

**Hà Kỳ Lam**

## **Ba Mươi Năm Ấy**



Thị xã Pleiku 1967.

Cái thành phố cao nguyên đất đỏ ấy, mùa mưa thì nhộp nháp bùn dẻo, mùa hè và những ngày mùa đông lạnh và khô thì "bụi hồng" quện theo từng cơn gió, chẳng có gì hấp dẫn hay ít ra làm khuây khỏa nguôi ngoai nỗi nhớ nhà, nỗi buồn chán của những con người tứ hướng tập hợp lại vì phận sự, vì sinh kế - những quân nhân, những công tư chức, già hay trẻ, những nữ chiêu đãi viên trong các quán rượu, v.v. Giá sinh hoạt thì đắt đỏ; mọi thứ cá, tôm, cua đều phải vận chuyển từ Sài Gòn, và phải bằng đường hàng không cơ mới đủ độ tươi. Phố xá thì nhỏ bé, tuy không đến nỗi "đi dăm phút đã về chốn cũ" như Vũ Hữu Định diễn tả, chỗ vui chơi giải trí và "đạp đồ" thì tìm đỏ mắt cũng không ra.

Ấy vậy mà từ cao độ của chiếc trực thăng sắp đáp, nhìn những mái nhà tôn, những mái ngói nâu rải rác bên dưới, tôi cảm thấy lòng lâng lâng với nỗi vui được về thành phố; dĩ nhiên không rộn rã như mỗi lần về Sài Gòn. Từ rừng già Plei Me về, tôi có hai ngày, ngày mai và ngày kia, tại Bộ Chỉ Huy này để họp - và dĩ nhiên tôi ngẫm hiều mình

có hai đêm để vội vã tìm vui, để truy hoan trả đũa! Nhà binh có nhiều thứ ngẫm hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: tôi được đào tạo thể - nhận specified task và phải tự tìm ra implied task. Tôi quá giang một xe nhà binh từ phi trường ra phố, xuống xe trước khách sạn quen thuộc mọi lần.

Tắm rửa xong, vừa trông trở lại bộ quân phục, định bách bộ ra phố tìm thức ăn thì có tiếng gõ cửa phòng. Tôi mở cửa và không ngạc nhiên khi thấy trước mặt mình là người hạ sĩ quan trẻ, vui tính của phòng nhân viên tại Bộ Chỉ Huy mà ngày mai tôi sẽ vào họp. Có nghìn cách để anh ta biết tôi về Pleiku lúc nào và tá túc ở đâu. Ngay khi chiếc trực thăng vừa nhấc bổng lên thì một bản báo cáo ngắn về ngày giờ tôi rời căn cứ Plei Me đã bay theo làn sóng điện và đáp trên bàn giấy trong văn phòng anh ta trước khi chiếc máy bay chạm đất ở phi trường. Hoặc giả một người nào đó báo tin, như người tài xế vừa cho tôi quá giang chẳng hạn. Cái tập thể của những người vận quần áo trận này có đông đúc thật - chả thể mà thị trấn này, nơi đặt bản doanh của một quân đoàn, đã được mệnh danh là thành phố của lính - nhưng người ta thường biết rõ nhau cả. Anh ta gặp tôi để chuyển đạt hai điều. Điều thứ nhất là chuyển lời vị xếp của anh ta thăm hỏi tôi có cần xe cộ gì không. Điều thứ hai thật bất ngờ và là một sự kiện sẽ hằn sâu trong trí tôi nhiều năm sau. Số là anh ta có một "thằng em" - một từ ngữ dùng thật rộng rãi từ thời nào tôi không rõ, để chỉ một người thân, từ em ruột, em họ, đến người dưng nước lã mà người ta cảm thấy đủ thân thiết để gọi thế - rất ghiền khiêu vũ. Hẳn ta ghé Pleiku nhiều lần và nghe nói nhiều về Hội Quán Phượng

Hoàng, nên đêm nay hăn muốn được vào cho biết. Điều phiền toái là không ai bảo lãnh cho hăn vào cổng. Thế là tôi được anh chàng trung sĩ phòng nhân viên nọ giới thiệu người anh em của anh ta. Chuyện như thế có thể cũng bình thường thôi, nếu anh ta không làm tôi khựng lại bằng mấy lời kể lể thêm. "Nó làm lơ xe đồ chạy đường Sài Gòn - Pleikú Hầu như tháng nào cũng ghé đây. Quần áo dính dầu nhớt dơ bẩn. Em phải cho nó mượn áo quần và giày để đi chơi tối nay." Trong một thoáng tôi bỗng tự trách mình sao quá dễ dãi; tôi muốn rút lại lời hứa bảo lãnh hăn nhưng lại ngại nói. Hăn ghiền khiêu vũ à? Có thật thế không? Lối giải trí này có thuộc thành phần như hăn không, hay là hăn xâm nhập Hội Quán vì một mục đích nào đó. Hằng đêm có biết bao sĩ quan, từ úy đến tá, thậm chí vị tướng tư lệnh vẫn thường lui tới đây. Có thể hăn là người của đối phương cũng nên. Rồi tôi bỗng thấy mình sợ hãi huyền - đúng hơn, tôi muốn tin mình đã lo sợ hãi huyền. Cuối cùng là hăn sẽ đợi tôi gần cổng Hội Quán lúc bảy giờ rưỡi đêm đó.

Tôi không biết Hội Quán Phụng Hoàng được lập ra hồi nào, và cũng chẳng có hơi sức đâu dò tìm ngọn nguồn của nó, vì phải dành hơi sức để lo tuổi bằng ngàn và để truy hoan trả đũa! Nhưng qua những câu chuyện không đâu vào đâu chung quanh mình, tôi biết man mác nó là sáng kiến của một vị tư lệnh Quân Đoàn II này. Dù sao thì phải nhận những thằng ghiền nhạc, ưa nhẩy nhót, cũng như những kẻ chỉ ghiền không khí vũ trường như tôi, tất cả đều thâm cảm ơn vị tướng ấy. Và Quân Đoàn II đã điều hành Phụng Hoàng tuyệt cú mèo. Đội ngũ vũ nữ phải nói là "sạch nước rửa" hết, trên trung bình hết.

Chúng tôi có những lời nói riêng với nhau của những người trẻ; khi một cô gái được chấm điểm trên trung bình thì cả bọn đều hiểu về phương diện nào và theo tiêu chuẩn nào. Các cô vũ nữ ở nội trú trong dãy nhà đằng sau Hội Quán. Không khí vũ trường ấm cúng, nhiều tính chất nghệ thuật và nhất là rất an toàn, một phần vì khách chơi không ô hôp lắm, một phần vì biện pháp an ninh chặt chẽ. Chỉ có sĩ quan mới được vào, và thường dân thì chỉ một số có thẻ hội viên mới được đến giải trí. Không được mang vũ khí, chất nổ, dao, v.v. vào Hội Quán. Nhân viên quân cảnh tại cổng thi hành nhiệm vụ đúng mức. Thú thực, tôi bước vào một vũ trường ở Sài Gòn hay một nơi nào khác với tâm trạng bất an thường trực. Với Hội Quán Phượng Hoàng thì không thể, từ lần đầu tiên cho đến những lần sau này khi đã thành ma cũ.

\*\* \*

Người trung sĩ phòng nhân viên giới thiệu hẳn với tôi khi chúng tôi vừa xuống xe ngoài cổng Hội Quán. Tôi vờ nhìn với vẻ chú ý xã giao của người mới gặp, trong khi kỳ thực cố vận dụng một độ quan sát "chụp ảnh" cái gương mặt xương xương có vẻ dãi dầu, đầu tóc lười chải kia. Hẳn trạc tuổi tôi, hoặc nếu có vẻ lớn tuổi hơn chút đỉnh thì tôi nghĩ do cuộc sống lam lũ chứ không do năm tháng. Cái cảm nhận đầu tiên của tôi là hẳn không có vẻ gian manh, cũng không dữ tợn; gương mặt toát ra một vẻ nhẫn nhục và điềm đạm. Dù sao, tôi tự nhủ, thôi cũng được, mình chả có gì mất mát cả. Tên hẳn là Thanh. Đêm đó tôi đi cùng hai người bạn nữa. Anh chàng trung sĩ làm xong bốn phận với "thằng em" mình liền xin phép chúng tôi cáo từ.

Qua khỏi cổng, cả bốn chúng tôi rẽ trái, theo lối đi tráng xi-măng thoai thoải dốc dẫn đến cửa vào Hội Quán. Thanh cố ý đi chậm nhường tôi bước trước. Dĩ nhiên, tôi là đầu đàn mà, và cũng theo qui ước ngầm nhà binh, đầu đàn thì phải làm "trưởng chi" lát nữa đây, khi tàn cuộc. Tôi biết hẳn ta không có hậu ý đó; chẳng qua hẳn muốn chứng tỏ với tôi thái độ của kẻ chịu ơn, và với nhóm chúng tôi thái độ của kẻ biết trên biết dưới.

Qua một hành lang ngắn có vài chiếc ghế dựa dài nằm dọc một bên lối đi để khách ngồi chuyện văn trước khi nhập cuộc hoặc chờ đợi người mình hẹn hò, chúng tôi tiến đến cửa bên trái vào phòng khiêu vũ - cửa bên phải dẫn vào phòng ăn. Vén bức màn nhung xanh sậm buông dài gần chấm nền nhà, chúng tôi chạm một không gian ào ào tiếng nói cười khe khẽ và sức mùi thuốc lá, nước hoa, với ánh đèn màu mờ ảo không soi rõ mọi vật. Tế bào thị giác hình que của chúng tôi chỉ tốn vài giây điều chỉnh để cho chúng tôi trông rõ toàn cảnh: giữa căn phòng là sàn nhảy hình chữ nhật lát gạch hoa, "âm" dưới nền có lẽ gần một tấc, được rọi sáng bằng những bóng đèn trần chung quang bờ viền. Khoảng còn lại là bàn ghế sắp theo từng hàng và cách khoảng để chừa lối đi ngang và dọc. Quầy rượu và thu tiền nằm cuối phòng, cạnh lối vào phòng vệ sinh. Ban nhạc bắt đầu chơi những tấu khúc vui nhộn để báo hiệu buổi khiêu vũ sắp bắt đầu. Điều không may: viếng Phụng Hoàng vào một tối đông khách như đêm nay, và điều may mắn: còn duy nhất một bàn cho chúng tôi. Chúng tôi vừa yên vị thì bà tài phán đến. Sau câu hỏi han đơn đả cố hữu, bà ta vào đề ngay:

- Chỉ còn hai cô chưa kệt bàn.

- Còn đào để nhảy là quý rồi.

Tôi đáp nhanh như để trấn áp nỗi thất vọng của mình. Chúng tôi gồm những bốn trụ mà chỉ có hai cô gái nhảy để chia nhau thì thật không bõ công của kẻ lâu ngày mới về thành phố! Lúc người đàn bà vừa quay lưng đi tôi dặn với theo:

- Chúng tôi bao bàn các cô tối nay.

Bà ta quay lại, ngập ngừng một lát rồi nói:

- Lệnh của sĩ quan quản lý không cho chúng tôi nhận bao bàn những tối đông khách, để các cô có thể chạy bàn tiếp khách. Nhưng để tôi cố thu xếp.

Chạy bàn có lẽ là một từ ngữ trong thế giới vũ trường. Nó không đồng nghĩa với công việc của một bồi bàn trong tiệm ăn. Vũ nữ nhảy với khách bốn bản là đủ một tích-kê và được điều động chạy sang bàn khác trong thứ tự "đặt hàng".

Hai bóng dáng con gái từ từ tiến về phía bàn chúng tôi, một dong dỏng cao và một hơi đầy đà. Chút bực dọc còn sót lại trong tôi nãy giờ bỗng vụt tiêu tan khi tôi nhận ra Dung "mình dây" và Liên "Bắc Kỳ". Có thể chứ. Nhưng tôi không hiểu làm thế nào hai cô gái này lại không kệt bàn trong một tối đông khách như đêm nay. Những người khách đến đầu tiên bao giờ cũng có điều kiện chọn người mình thích, và họ không đại gì mà không đòi cho được hai hoa khôi của Hội Quán.

Một trong hai người bạn tôi lên tiếng bày tỏ hân hoan vì may mắn được gặp hai đệ nhất giai nhân. Liên Bắc Kỳ, một cây ăn nói trong

đám vũ nữ tại đây, liền thoảng đáp:

- Không dám. Anh quá khen. Phải nói là chúng em may mắn được ngồi với các anh đêm nay. Sáng nay Đại Tá Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn có gọi dặn phòng quản lý dành sẵn hai cô để tiếp thượng khách của ông từ Sài Gòn ra, và tụi em được lệnh chờ. Thế rồi khi này ông ấy gọi đến báo Hội Quán biết là chương trình đã hủy bỏ. Tôi mới vỡ lẽ. Ít nhất mọi sự phải có nguyên ủy của nó! Tôi liếc Thanh. Hắn không chú ý nhiều đến hai cô gái. Chiếc bàn chỉ vừa cho bốn người ngồi lại phải dung nạp sáu mạng nên ngồi khá chen chúc. Dung ngồi chen vào giữa tôi và Thanh. Liền ngồi ở dãy ghế đối diện, giữa hai người bạn tôi. Thanh nhìn lơ đãng sàn nhảy và quang cảnh khắp phòng. Hắn không có vẻ mán rùng, vẻ nhà quê mới lên tỉnh. Ánh sáng vụt đổi màu, trắng hơn một tí, giống như mặt đất âm u bỗng vụt sáng hơn vì mặt trời vừa ra khỏi đám mây đen. Cùng một lúc, nhịp điệu dồn dập, thúc giục của một bản paso doble trỗi lên. Đêm khiêu vũ bắt đầu. Vài cặp đã bước ra sàn nhảy. Hai người bạn tôi cứ đùn hai cô gái cho chúng tôi, nói rằng để nhường cho tôi từ rừng sâu về và cho Thanh là khách mới đến. Thanh thoái thác, cho biết mình chỉ muốn ngồi nghe nhạc và nhìn vũ trường của Hội Quán Phụng Hoàng cho biết thôi chứ không sành nhảy nhót lắm. Tôi đứng dậy dìu Dung ra sàn nhảy.

Điệu paso doble vừa dứt, căn phòng bỗng mờ đi và âm thanh chuyển sang tiết điệu blue chậm rãi và dịu dặt. Thiên hạ lục tục kéo nhau ra sàn nhảy khá đông trong khi cô ca sĩ trên bục gỗ đang rên rĩ bản Sang Ngang của nhạc sĩ Đỗ Lễ. Tôi vừa định trở về bàn để nhường

cho Thanh nhảy với Dung thì cô nàng kéo tay tôi lại nói, "đi luôn bản này đi anh."

Chúng tôi biết nhau qua mấy lần trước tôi ghé đây. Nàng nhớ mơ hồ khá lâu không thấy tôi trở lại. Thực ra nàng đã nhớ chính xác, vì từ đêm nhảy sau cùng cách đây sáu tháng tuy tôi có về Pleiku đôi lần nhưng bận những tiết mục khác nên đã không viếng Phượng Hoàng. Bước nhảy chậm rãi như thế này rất thích hợp cho những cặp yêu nhau thủ thỉ. Tôi cho rằng không cứ gì những đôi tình nhân mới thủ thỉ trong điệu slow; cô vũ nữ nào cũng hay ép mặt sát vào khách và thì thầm những chuyện không đâu vào đâu. Cả một nghệ thuật trong nghề đấy. Một người bạn tôi đã suýt bỏ vợ vì một ả anh ta gặp trong một vũ trường. Cô nàng có một giọng nói thỏ thẻ làm mê mẩn khách, khiến anh ta đắm "ghiền", không đến thì nhớ quay quắt chịu không nổi. Tôi cũng khám phá ra một "chân lý" nữa trong giới vũ nữ: những ác cảm vô căn cứ. Đừng tưởng các cô chỉ hành xử vì tiền thôi, mà còn vì cảm tính nữa. Các cô có những lựa chọn, những né tránh ngầm. Như cô ả Dung đêm nay. Chẳng phải cô ta mê gì tôi, chẳng qua muốn tránh khéo anh chàng Thanh mà cô cho là dở hơi. Với Liên hay một ai khác, có lẽ tôi cũng có vài khoảnh khắc ngỡ ngàng trước thái độ này, và có khi còn khấp khởi mừng thầm chắc mình được yêu rồi. Với Dung, nổi tiếng ở Phượng Hoàng là tốc, là bất cần, là đập đổ, thì tôi "thông cảm" ngay. Tôi nhớ có lần một người bạn cho tôi hay, "Dung nó đẹp nhất nhì ở đây, lại nhảy giỏi, nhưng kiếm ít tiền hơn các cô khác dung nhan kém hơn, nhảy tồi hơn, chỉ vì nó không chịu chài khách. Nó hành nghề vũ nữ nghệ sĩ lắm, tùy hứng lắm!" Chưa

hết, tôi còn nghe một số huyền thoại nữa về Dung, nào là ngày trước cô ta thất tình vì một công tử con nhà giàu nên đâm ra ăn chơi, rồi sa chân vào đường vũ nữ, và từ đó nuôi trong lòng mối hận tình lẫn hận thù những khách chơi giàu có, ném tiền qua cửa sổ; nào là Dung hành xử theo con tim, và con tim nàng có những tiêu chuẩn mọi người không hiểu nổi, v.v.

Tôi không rõ những điều kia có đúng không, nhưng tôi được biết ít ra cũng có vài người tán gia bại sản hay điều đứng vì chạy theo nàng.

- Anh ấy là bạn anh?

- Chỉ mới biết lần đầu.

- Anh ta làm sao ấy, vẻ khinh khỉnh. Vào vũ trường mà không nhảy nhót thì ngồi làm gì. Không chừng chẳng biết nhảy!

Tôi ậm ự cho qua, và nghĩ thầm, "sao cô ngốc thế, việc gì đến mình mà khó tính thế. Rồi người ta cướp hết khách cho mà đói meo!"

Chúng tôi ba đứa chia nhau nhảy với hai cô gái. Dàn nhạc đã chơi hơn một chu kỳ rồi, và mặc cho chúng tôi cứ thỉnh thoảng thúc giục, Thanh vẫn không chịu đứng lên dìu cô nào ra sàn nhảy. Cuối cùng tôi thấy - và có lẽ hai người bạn tôi cũng nghĩ thế - nên để hấn ta yên, vì chắc hấn ta không biết nhảy. Thoáng nghi ngờ lúc ban chiều về hấn lại trở về trong óc tôi.

Điệu bebop trỗi lên. Có hai cặp bước ra. Tự nhiên không ai bảo ai, ba chúng tôi chỉ thích ngồi nhìn người ta nhảy. Riêng tôi, một phần vì cũng chán nhảy rồi, phần khác tôi chỉ biết những bước căn bản của điệu nhảy này, như một học sinh mới tập làm luận văn chỉ biết viết những câu ngắn đúng văn phạm chứ chưa biết diễn tả bằng những

câu bay bướm, cầu kỳ, nên không hứng thú lắm. Chính lúc đó Thanh ngỏ lời với chúng tôi, xin mượn hai cô gái. Tuy chưa rõ ý định của hẳn, chúng tôi đều gật đầu hưởng ứng, hay khuyến khích thì cũng vậy. Thanh vừa đứng dậy vừa đưa hai tay nắm tay Dung và Liên. Dung rút tay lại, lên tiếng:

- Không được đâu, tôi chưa bao giờ nhảy kiểu này.

Thanh khẽ mỉm cười với vẻ tự tin:

- Đừng lo, các cô chỉ theo tôi. Cứ đi như mình nhảy với một người.

Phần tôi, tôi làm được.

Chúng tôi nhìn không chớp mắt bộ ba đó đang tiến ra sàn nhảy.

Trong khoảng bao nhiêu phút giây tiếp theo chúng tôi hầu như quên bằng ý niệm thời gian, cứ dán mắt vào hai nữ và một nam đang quay, lộn, đẩy, kéo theo nhịp điệu bản nhạc đầy âm hưởng Trung Hoa, Rose de Chine. Tôi nhìn mãi cả mắt cũng không sao hình dung được những động tác của Thanh, nói chi đến học lóm vài bước nhảy tân kỳ kia. Đôi chân hẳn ta thoăn thoắt, khi nện gót, khi dí mũi dầy, trong khi hai tay không ngừng điều khiển Dung và Liên xoay, tiến, lui chung quanh mình. Đầu hẳn ngẩng cao, vẻ mặt linh hoạt, đôi mắt khi thì nhìn Dung, khi thì nhìn Liên, nhưng trong ánh mắt tôi có cảm tưởng mình thấy được tia say đắm hướng vào một cõi xa xôi nào, cõi của âm thanh khi lắng đọng khi dồn dập đang quyện trong không gian mờ ảo của vũ trường.

Thế rồi không còn cặp nào trên sàn nhảy nữa; mọi người chỉ muốn ngồi chiêm ngưỡng bộ tam vũ biểu diễn. Sân nhảy trống chỗ, Thanh như con phượng hoàng có không gian rộng để vỗ cánh, càng là lướt

hơn, đã nói rộng những vòng quay cho Dung và Liên. Họ chiếm hẳn vùng trung tâm sàn nhảy.

Tôi đảo mắt một vòng quanh phòng, một phản xạ tự nhiên ngấm biểu lộ niềm hãnh diện vô căn cứ rằng thiên thần của vũ trường đêm nay là một người bạn của mình. Mọi con mắt đều dồn về ba người trên sân nhảy; thậm chí không ai nói chuyện riêng, không buồn nâng ly uống. Tất cả vũ trường như bị thôi miên.

Trên bục của ban nhạc tôi vừa thoáng thấy anh chàng thổi saxophone, mà tôi đoán là trưởng ban nhạc vì tuổi tác lớn hơn cả, đang ghé tai nói điều gì với tay chơi dương cầm. Rồi dàn nhạc chuyển âm giai qua bản đàn khác, nhưng tiết điệu Swing vẫn tiếp nối.

Lúc điệu nhảy chấm dứt, bản nhạc tạm biệt, bản Auld Lang Syne quen thuộc, bỗng trỗi lên gieo một âm hưởng lưu luyến báo hiệu cuộc vui đã tàn và đèn vụt sáng trong khi tiếng vỗ tay đồng loạt vang lên như pháo nổ, rồi râm rang một lúc trước khi còn nghe lác đác và lịm dần ở cuối phòng. Tôi chưa từng thấy một sự tán thưởng như thế ở những buổi nhảy tại các khiêu vũ trường. Tôi cũng chưa từng thấy một dàn nhạc nào đã tỏ ra ưu ái với khách bằng cách chơi liên tiếp hai bản đàn cho một vũ điệu như thế.

Nét mặt Thanh vẫn bình thản, dường như hẳn ta đã từng làm vua vũ trường với đôi chân vàng của mình. Nhưng hai cô gái thì không giấu nổi những nụ cười hài lòng. Tôi đoán họ cảm thấy hãnh diện lây vì là một thành phần bất khả phân trong màn biểu diễn của Thanh.

Tôi liếc nhìn Dung. Vẻ đăm đăm, khó chịu lúc ban đầu biến mất trên

gương mặt bây giờ xinh xắn, khả ái của cô ạ Nhưng cô nàng vẫn không "thân thiện" với anh chàng Thanh, trong khi Liên thì tíu tít khen bước nhảy của anh ta lúc cả bọn chúng tôi nối đuôi theo giòng người từ từ xê dịch ra phía cửa.

Ra khỏi phòng nhảy, chúng tôi đi dọc hành lang để ra cổng. Bên trái hành lang là phòng ăn của Hội Quán, với lác đác vài người vừa bước vào; phần đông khách chơi thích ăn ở các tiệm quán ngoài phố hơn. Tôi đề nghị đi ăn bún bò Nhà Xác thì hai cô gái và hai người bạn tôi tán thành ngay. Có lẽ đối với khách ăn đêm của Phường Hoàng cái tên đó không những không gây ngạc nhiên hay sững sốt mà còn kích thích cái dạ dày vào giờ đó đã bắt đầu cảm thấy cồn cào. Anh chàng Thanh mở to mắt nhìn tôi ra chiều không hiểu tôi đùa hay ngụ ý gì. Tôi giải thích cái tên Nhà Xác do đâu mà có: quán ăn lụp xụp do một tư nhân mở trong khu bệnh viện dân y, cạnh nhà xác. Có lẽ khắp Pleiku tôi không tìm đâu được một nơi bán bún bò ngon như ở đây. Và tại quán bún bò Nhà Xác đêm đó Thanh đã là một đề tài khá lạ lùng đối với chúng tôi. Sau này tôi được biết, ngoài tôi ra cả bọn chúng tôi lúc đó ai cũng đang có trong đầu một giả thuyết bình thường và hữu lý về con người nhảy đẹp nhất kia, một giả thuyết có dị biệt về tiểu tiết nhưng tương tự Ở đại thể. Chúng tôi tin rằng hẳn ta đã có một thời ăn chơi có hạng ở Sài Gòn. Nếu không phải con nhà giàu thì ít ra cũng xuất thân từ một gia đình trung lưu, và vì lý do này hay lý do khác bị sa cơ thất thế nên mới ra thân phận như ngày nay.

Một trong hai người bạn tôi hỏi Thanh có học qua lớp dạy khiêu vũ

nào không; anh ta đề cập đến tên các vũ sư nổi tiếng của Sài Gòn. Thanh với vẻ mặt ngơ ngác trả lời rất gọn rằng không hề nghe tên các vị kia bởi lẽ từ bé đến giờ có được học khiêu vũ "đàng hoàng" từ trường lớp nào đâu!

Không muốn để chúng tôi thắc mắc lâu, Thanh bắt đầu nói qua về tuổi thơ khốn khổ của mình. Hấn trốn khỏi viện mồ côi Long Thành lúc lên mười tuổi, và bắt đầu kiếp sống đầu đường xó chợ giữa cái thành phố một thời được mệnh danh hòn ngọc Viễn Đông, một nơi mà cái giàu có, cái hào nhoáng xa hoa vẫn đi bên cạnh cái nghèo khó, cái lam lũ. Hấn trở thành cậu bé đánh giày ban ngày, và đêm đêm ngủ trong các chợ, hay dưới mái hiên nhà người lạ Rồi dần dần hấn tìm được một chỗ trú tốt hơn: ban đêm hấn đóng đô hấn trong cái phòng nhỏ chứa dụng cụ của nhà hàng khiêu vũ Kim Sơn, do lòng tốt của viên quản lý tại đây. Hấn lớn dần, thành một cậu thiếu niên mười sáu tuổi lém lỉnh, sành sỏi trong thế giới bọn đánh giày.

Hằng đêm hấn nhìn những cặp uyên ương vũ trường quay cuồng theo sóng nhạc. Hấn đam thích khiêu vũ. Hấn học lóm bằng quan sát, bằng sự chỉ dẫn của những người chị "nuôi" vũ nữ vốn rất mến hấn, một tình thương mến dễ nảy sinh giữa những kẻ cùng một nấc thang trong xã hội. Nhưng hấn có thiên bẩm về nhảy nhót. Hấn học một mà biết mười, hấn có óc sáng tạo, óc tổng hợp, có khả năng bắt chước. Tóm lại, hấn thu tóm những tinh hoa nhảy nhót mà thiên hạ đem đến thi thố hằng đêm ở vũ trường rồi biến hóa thành những bước riêng của mình!

Nghe xong những lời tự thuật không màu mè của Thanh, mỗi thiện

cảm của chúng tôi đối với hân ta bỗng tăng lên. Dung vụt miệng nói: Anh dịu tuyệt quá. Em không ngờ dễ đi thế!

Tôi ngạc nhiên nghe tiếng em ngọt ngào thay thế tiếng tôi buồn bã trong câu duy nhất Dung nói với Thanh ở phòng nhảy. Hai người bạn tôi ngờ ý muốn Thanh chỉ vẽ thêm những bước nhảy mới lạ. Thanh vui vẻ nhận lời và cho biết mỗi tháng anh đều theo chuyến xe đò của hãng Nam Trung từ Sài Gòn ra Pleiku một vài ngày. Về phần mình, tôi cũng muốn tìm sư học đạo nhưng biết thân phận mình - không phải lính thành phố - nên chẳng nghĩ đến việc cầu học như các bạn tôi.

Mọi người đều công nhận danh bất hư truyền của quán bún bò Nhà Xác, và cả bọn chúng tôi đều kêu thêm tô thứ hai. Ăn xong chúng tôi ngồi tán gẫu một lát. Có lẽ cái thú vui của những câu chuyện bù khú chỉ thực sự có vào những thời khắc khuya khoắt của đêm, ở những hàng quán lụp xụp. Dung lục bóp lòi ra gói thuốc lá Salem để mời cả bọn, nhưng chúng tôi không ai hút. Thanh thì cảm ơn nhưng cho biết chỉ hút Capstan thôi. Anh chàng lôi từ túi áo trên ra một bao xẹp lép không còn điếu thuốc nào cả. Dung vội đứng dậy, tiến ra cửa, nơi một cô bé đang ngồi bên thùng thuốc lá bằng kiếng, và xĩa tiền mua một gói Capstan rồi trở lại bàn trao cho Thanh. Anh chàng móc tiền trả lại nhưng Dung khoát tay từ chối.

- Cảm ơn nhé.

- Ơn nghĩa gì, đừng thù oán là được rồi.

Vừa nói Dung vừa phà khói ra bằng lỗ mũi và cười mỉm. Trong một thoáng cái hình ảnh "bụi" và duyên dáng kia giải thích riêng cho tôi

tại sao nhiều người đàn ông đã điêu đứng vì người con gái này. Duy câu trả lời vì sao quả tim nàng chưa rung động vì họ thì chỉ có trời biết.

Thanh bỗng phá lên cười, đoạn nheo một mắt, lần đầu tiên từ suốt buổi tối tới giờ hăn nhìn Dung với vẻ thích thú, buông một câu nghe vừa bông đùa vừa khẳng định:

- Các cô mới vua thù oán!

- Yên trí, em chỉ thù mấy thằng cha giàu, không thù anh đâu.

Tia nhìn tinh nghịch của Dung chiếu thẳng vào mặt Thanh khi cô nàng thốt lên câu đó.

Chợt một người trong nhóm chúng tôi nhắc rằng đêm đã khuya, và chúng tôi vội đứng dậy, thanh toán tiền, rồi ra về. Sau khi đưa hai cô gái về chỗ trọ và đưa Thanh về nhà người trung sĩ anh nuôi, hai người bạn đưa tôi về khách sạn, và chúng tôi chia tay.

Mùa mưa của cao nguyên tới, kéo theo những trận đánh long trời, một điệp khúc chiến sự hăng năm, và tôi vất vả hơn với những cuộc hành quân liên miên. Bốn tháng kể từ đêm kỳ ngộ Ở quán bún bò Nhà Xác tôi mới trở lại Pleikú Hai người bạn tôi vẫn còn đó. Chúng tôi lại viếng Hội Quán Phụng Hoàng để "mừng cho mày còn trở về được, và trở về lành lặn", nói theo lời mời của hai bạn tôi. Cảnh cũ, người xưa, chỉ thiếu Dung. Hỏi thăm về nàng thì chúng tôi được biết Dung nghỉ việc ba tháng rồi, về Sài Gòn, nghe đâu là để xây tổ uyên ương với một người khách chỉ gặp một lần duy nhất tại đây, bỏ lại sau lưng anh kếp thương gia rất sộp cùng lời hứa về căn nhà bên suối mộng寐 Ở Đà Lạt và một cuộc sống nhàn hạ, không phải chạy

bàn ở đâu nữa. Bạn tôi cũng chẳng biết gì hơn thế.

Sự ra đi của Dung đã để lại sau lưng cô nàng cả Hội Quán Phượng Hoàng ngơ ngác. Ban quản lý cảm thấy một tài nguyên quý giá của Hội Quán vừa mất đi. Những khách chơi "nòi tình" cảm thấy hụt hẫng trong nỗi niềm rấp cung bắn sẻ. Những đồng nghiệp của Dung, từ những kẻ thù nghịch đến những người thân thiết, tất cả bàng hoàng; không ai hiểu nổi việc cô gái tốt số ấy âm thầm ra đi, gạt qua một bên những người đàn ông thế lực, giàu có sẵn sàng hiến dâng mọi thứ mà một vũ nữ nào cũng mơ ước.

Lúc chia tay cách đây bốn tháng, hai người bạn tôi đã cẩn thận trao địa chỉ cho Thanh, nhưng từ đó đến nay tuyệt nhiên họ không nghe tăm hơi về sư phụ. Cả viên trung sĩ phòng nhân viên cũng không được tin tức gì về Thanh. Một lần anh ta có đến hỏi hãng xe Nam Trung thì chỉ được biết hẳn ta không làm việc cho hãng đã lâu.

\*\*\*

Philadelphia, PA, 1997.

Ba mươi năm đã trôi qua Tôi không gặp lại một người nào trong năm người đã cùng ngồi ăn bún bò với tôi trong gian nhà lụp xụp một đêm năm xưa để có thể sửa lại câu thơ của cụ Nguyễn Du

Ba mươi năm ấy bây giờ là đây

Tôi mong tất cả hãy còn trên đời này, tất cả hãy bình yên, hãy được toại nguyện trong những gì mình ấp ủ, ở xứ người hay còn ở quê nhà.

*Hà Kỳ Lam*

*Ngày 3-1-1998*

**Hết**

**Hà Kỳ Lam**

**Bên Bờ Thác Yaly**

Cái trò uống rượu vậy mà đôi khi đâm ra hay - năm ngoái nó đã đem lại cho tôi một câu chuyện thật lý thú. Vị trưởng lão trong bàn nhậu là người mà tôi không thể nào ngờ lại có ngày cung cấp cho tôi nguyên cả một truyện ngắn, từ đầu đến cuối, có phân đoạn, có bố cục chặt chẽ! Tôi biết ông ta khá lâu trước đó, nhưng không nghĩ có ngày cùng ngồi một mâm, một chiếu với ông. Lý do đơn giản là cách biệt tuổi tác. Và trong số năm thính giả đêm đó không biết có ai còn giữ lại trong ký ức câu chuyện "tầm phào" kia như tôi!

Một hôm đại đội tổ dừng quân đêm bên bờ thác Yaly, thuộc vùng rừng núi Pleikú Băy giờ là mùa khô nên con sông Yaly không lồng lộn, không sôi bọt trắng, không réo gọi ầm ầm, man dại như những lần trước bọn tớ qua đây; trái lại, nó rút nhẹ nhàng xuống các phiến đá, đủ tạo nên những hoa nước trắng phau rải đều khắp mặt sông, cùng một chuỗi thanh âm rì rào liên tục để ru thần trí vào một cõi êm đềm... Ở đoạn này lòng sông lởm chởm đá và có một độ nghiêng

khá dốc làm cho giòng nước chảy xiết hơn những khúc khác của con sông nên đã tạo nên con thác Yaly. Từ bờ này sang bờ kia ước lượng khoảng ba trăm thước. Hai bên bờ toàn là những tảng đá đủ cỡ nằm chen chúc lên nhau. Mặt nước cũng lở nhổ vô số móm đá. Trong đời mình, tớ chưa từng thấy một nơi nào nhiều đá như thế. Cả một vùng bao la chỉ có đá, đá, và đá. Rừng bị đẩy lùi xa bờ nước hằng mấy trăm thước. Các bạn chắc khó cảm thông được cái thanh thản cộng với cái choáng ngợp trong tâm hồn tớ lúc bấy giờ khi vừa tới bìa rừng thoáng thấy một khoảng không gian chan hòa ánh sáng. Cùng với âm thanh rì rầm của nước chảy, tớ nhìn thấy giòng Yaly trước mặt, ở một quãng xa. Không phải lần đầu tiên tớ biết con sông kia. Nhưng bao giờ cũng thế, sau bao ngày trong rừng rậm với cây lá, đỉnh nhọn, lũng sâu, với cái âm u, mát lạnh cố hữu của nó, khoảng trống đầu tiên đem lại tớ cái cảm giác kia, dù khoảng trống chỉ là một lòng chảo nhỏ hay một thung lũng rộng, nói chi đến con sông Yaly với đôi bờ bát ngát đá ghềnh này! Trong cuộc sống đường rừng, một khoảng trống với kích thước kia hẳn là hiếm quý vô cùng, theo tớ nghĩ. Ôi, tớ yêu giòng thác Yaly buổi chiều đầu tiên dừng quân biết bao. Ấy vậy mà buổi sáng hôm sau...

\*

\* \*

Tớ là một trung đội trưởng. Trong tình hình bình thường hiện tại đã có người trung đội phó và các tiểu đội trưởng điều hành công việc, tớ không phải dậy sớm, và muốn nằm nấn ná trên võng ngủ tiếp để "dưỡng sức". Nói là dậy muộn chứ thực ra cũng đã bảy giờ sáng rồi,

khi tớ rời võng. Binh sĩ trong trung đội của mình và các trung đội khác thì đã tỉnh táo, nai nịt gọn gàng từ năm giờ sáng.

Tớ vắt khăn mặt trên cổ, cầm chiếc ca uống nước của nhà binh cùng với bàn chải và ống thuốc đánh răng tiến ra bờ sông. Không một bóng người bên bờ sông lờm chờm đá và rộng mênh mông. Dễ hiểu thôi: từng toán nhỏ, cả đại đội đã thay phiên nhau, kẻ trước người sau ra bờ sông giải quyết nhanh công việc đánh răng, rửa mặt, lấy nước uống và nấu ăn, xong đâu đó lại biến vào vị trí dừng quân trong bìa rừng - nguyên tắc phân tán và ẩn núp. Tớ là người cuối cùng làm công việc đó. Tớ bước ra xa bờ vài chục thước bằng cách nhảy trên các mỏm đá nhô lên trên mặt nước để khỏi ướt giày. Tớ "ổn định" ở một điểm có mức nước hơi sâu. Đứng dang chân trên hai tảng đá nhỏ cách nhau khoảng bốn tấc và trên mặt nước độ một gang tay, mặt hướng về phía bờ bên kia, tớ bắt đầu đánh răng. Lập tức tớ nghe một tiếng súng, và hình như từ hướng bìa rừng đằng sau lưng. Tớ quay phắt lại hỏi với một giọng ngọng nghịu của cái miệng còn ngậm thuốc đánh răng, "ai bắn vậy?" Mấy người lính trong khoảng rừng gần tớ nhất nhìn nhau, rồi một người nói:

- Dạ không ai bắn cả.

Tớ tiếp tục đánh răng. Chẳng được bao lâu - năm giây thì phải - lại một tiếng nổ nữa xé không gian cùng lúc với một luồng gió nhẹ khẽ kéo lệch ống quần bên phải của tớ. Lần này tớ lộ sự bức bối ra mặt, quay lại phía sau gắt:

- Đứa nào bắn vậy?

Các người lính không còn nhìn nhau như lần trước, mà đồng thanh

đáp:

- Dạ không ai bắn cả, chuẩn úy ạ.

Tớ lại tiếp tục đánh rằng. Cũng chẳng được bao lâu - năm giây phù du nữa - một tiếng nổ nữa vang lên giữa khoảng trời cao sông rộng và một cột nước vọt lên trước mặt tớ từ một điểm ngay chính giữa hai mỏm đá tớ đang đứng. Rất nhanh, tớ hiểu ai đã bắn nãy giờ. Vút bỏ mọi thứ trên tay, tớ quay đầu chạy thực mạng vào trong rừng nơi trung đội mình đang bố trí. Lập tức hỏa lực của cả đại đội trút xối xả qua bên kia sông. Đạn làm tóe lửa trên đá bên bờ kia, trông như những ánh đom đóm lập lòe đó đây. Những quả M 79 nổ từng hồi gây những bức màn bụi, khói che kín cả một bờ sông. Trận trả đũa kéo dài độ mười phút, rồi rừng núi lại tiếp tục cái lìm lì muôn thưở. Một anh lính mang cái ca, bàn chải, khăn mặt, những món tớ vút lúc nãy, đến trao lại tớ. Tớ hơi ngượng khi nhận lại những món đó. Dù sao thì tớ cũng chỉ là một cậu sĩ quan "sữa" dưới mắt những con người dày dạn chiến trận này. Sau khi dùng nước trong bi- đông của mình để hoàn tất công việc vệ sinh cá nhân bị gián đoạn vì ba phát súng "trời đánh", tớ với chiếc nón sắt và bước đến bên một đồng lửa, đặt úp trên mặt đất làm ghế và ngồi lên. Đốt một điếu thuốc, rít vài hơi, tớ nhìn lửa reo vui trong không khí se lạnh của buổi sáng đường rừng. Mấy người lính ngồi quây quần chung quanh bếp lửa hành quân nhóm lên giữa rừng bắt đầu đề cập đến sự việc tớ vừa trải qua. Rồi tình cờ tớ bỗng cúi nhìn mặt đất dưới nón sắt của mình. Ở cái động tác đó, một lỗ thủng nhỏ bằng đầu đũa gần đáy quần về phía bên phải lọt vào mắt tớ. Nếu là một chiếc quần cũ, bạt màu, sờn

rách, thì cái lỗ thủng kia có lẽ đã chẳng làm tổ chú ý đâu. Một lỗ rách trên áo quần cũ là bình thường. Đẳng này bộ áo quần trện tổ khoát trên người trong chuyến hành quân đó là quân trang tổ mới nhận từ kho đơn vị, và một anh thợ may đã sửa cấp tốc cho tổ. Bản năng con nhà lính, dù vẫn còn mang nhãn hiệu "lính sữa", làm tổ đưa tay sờ phần đối diện với lỗ thủng kia. Tổ gần như giật bắn người, vì rõ ràng ngón tay tổ vừa chọc vào đúng lỗ thủng thứ hai! Và cũng rất nhanh, tổ nhớ lại cơn gió thoảng đã làm "lay động" ống quần bên phải của tổ cùng lúc với phát súng thứ nhì.

Mọi người ngưng nói, nhìn tổ chăm chăm. Cái nhìn không phải dành cho một con người kỳ dị, mà cho một sự việc kỳ lạ. Họ hành động như thể tổ là hiện thân của một phép lạ. Bởi vì, không cần phải nói ra, ai cũng có thể thấy đạn đạo của ba viên đạn kia đã nằm trên mặt phẳng cắt đôi hình hài tổ từ đỉnh đầu xuống chân theo trục sống mũi! Xạ thủ chỉ có lỗi lầm ở phát súng đầu tiên, vì hiển nhiên là cao quá. Sau đó anh ta đã làm đúng công việc của mình, tức đã đem viên đạn thứ hai xuống đúng tầm hơn nhưng nó lại không thuộc quyền lực anh ta, vì tổ đã không ngã xuống. Có lẽ người du kích đã rửa thầm khẩu súng để dạy mọi ngày nay bỗng dở chứng cứ "ăn lên" mãi và anh ta đã hạ nòng súng xuống thấp hơn nữa, mong cho viên đạn trúng vào người tổ. Hóa ra đường nhắm đi xuống nhiều quá, và viên đạn đã ghim xuống nước! Một anh lính tinh nghịch bảo tổ đứng dậy và dang hai chân như tư thế đứng đánh răng khi nãy, đoạn bước đến bên cạnh tổ, nâng sửa chiếc quần của tổ cho ngay ngắn và lấy ngón tay đo khoảng cách từ lỗ đạn đến vị trí... hạ bộ của tổ. Độ một

phân là cùng! Anh chàng oang oang lên, "ông thầy chết đi sống lại đến hai lần, chứ không phải một lần đâu!" Tất cả cười ầm lên.

Cả bàn nhậu cũng cười xòa. Vị trưởng lão nâng ly đề nghị mọi người cạn ly. Ai nấy nốc hết ly rượu của mình, và rót thêm rượu. Không khí huyền ảo lên, sau mấy phút cả phòng im lặng, nín thở theo dõi câu chuyện. Mọi người có vẻ hài lòng vì đoạn kết của câu chuyện có hậu. Một thính giả thắc mắc về việc lính tráng không phân biệt được tiếng súng của ta và địch.

Tớ xin lỗi. Tớ quên khuấy đi rằng các bạn chưa sống với súng đạn. Tớ tạm gọi cái điều tớ sắp đề cập là "hiện tượng vật lý của tiếng súng ngược chiều." Tiếng đạn nhắm về phía mình bao giờ cũng làm cho mình nghe như tiếng nổ trên đầu, chứ không phải từ một quãng xa trước mặt. Tớ không giải thích được hiện tượng đó, tớ chỉ thể nghiệm nó nhiều lần. Tớ đoán có lẽ viên đạn xé không khí mang theo âm ba về phía người bị bắn và gây nên một ảo giác. Ảo giác ở đây là tiếng nổ nghe như phe ta bắn. Và chính ảo giác đó khiến tớ nghĩ có lẽ lính của hai trung đội bạn bắn. Dù sao thì các bạn cũng đừng quên rằng tớ lúc ấy chỉ là một cậu "lính sữa", đã có kinh nghiệm trận mạc gì đâu.

Và giữa lúc bao nhiêu ý kiến tha hồ được đưa ra thì người kể chuyện lên tiếng cắt đứt những suy nghĩ của mọi người. Ông ta xin cử tọa dành cho mình ít phút nữa, vì câu chuyện chưa kết thúc. Mọi người lại ngơ ngác. Im phăng phắt.

Đúng nửa giờ sau biến cố bắn tỉa đó, đại đội nhận lệnh tiểu đoàn vượt sông lục soát vùng bắn tỉa. Kế hoạch hành quân sơ khởi của đại

đội thì không bao quát vùng bên kia sông. Kết quả là bọn tớ đã tìm thấy ba vỏ đạn Mas 36 và một cây trụ gỗ tròn cỡ cổ chân chôn sâu dưới đất vững chắc, trên đầu trụ là một chắn ba mà xạ thủ dùng để tựa súng lên. Vị trí đó nằm giữa một hốc đá, cách bờ nước độ năm mươi thước. Có những vết máu có vẻ còn mới. Bọn tớ lần theo vết máu về phía bìa rừng khoảng năm mươi thước và đã tìm thấy xác một người du kích mặc quần đùi nâu, áo bà ba đen, nằm sấp, khẩu súng nằm dưới bụng. Anh ta lãnh một vết thương duy nhất nơi ngực và trở ra sau lưng. Xông pha trận mạc đã nhiều, bị thương cũng lắm, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc nhiều lần nữa, nhưng sao cái biến cố đầu đời binh nghiệp đó ghi đậm trong lòng tớ nhất. Chẳng phải vì là kỷ niệm đầu tiên. Có lẽ vì cái tính chất kỳ lạ của nó. Trong biến cố kia, tớ và người du kích ai là người cầm chắc cái chết nhất? Vậy mà sự việc xảy ra hầu như ngược lại "nguyên lý của tự nhiên".

Câu chuyện chấm dứt. Mọi người lại trầm ngâm ít giây. Rồi bao nhiêu ý kiến, suy luận, lại tha hồ nổi lên, và lần này mới là phán đoán chung cuộc. Giữa tiếng lao xao cười nói, tiếng ly cốc nhắc lên, đặt xuống trên mặt bàn nhậu, tôi bỗng nghe giọng nói như ngâm nga của một ai đó lặp lại câu nói xưa nghìn đời, "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên." Vị trưởng lão đã lôi từ trong một chiếc hộp gỗ cũ kỹ nhưng còn tốt và sạch sẽ chiếc quần lính màu xanh ô liu, với một ống quần có hai lỗ đạn nhỏ bằng đầu đũa, và ba vỏ đạn bằng đồng dài bằng ngón tay trỏ của một đứa bé lên sáu, bảy tuổi. Mọi người chuyền tay các kỷ vật để nhìn cho mãn nhãn.

*Hà Kỳ Lam*

9-9-1999

**Hết**

**Hà Kỳ Lam**

**Chiếc Bàn Học**

Cháu xin tặng chú Hoàng

Tôi ngồi đối diện chú tôi qua chiếc bàn hình chữ nhật. Mặt bàn ánh lên một màu đen của gỗ lâu năm. Chúng tôi nhìn nhau. Cả hai đều khó tin còn có ngày gặp lại nhau như hôm nay. Ngót ba mươi năm rồi còn gì.

Chú tôi vẫn gầy như thuở nào, từ hồi còn là một thanh niên, đến khi thành một người đứng tuổi, và bây giờ là một người già nua. Không biết trong ba mươi năm tôi xa vắng có khoảng thời gian nào chú mập mạp lên không, chứ tôi vẫn tin chú đã chẳng bao giờ "phát tướng" như nhiều người khi bắt đầu qua khỏi thời kỳ thanh niên. Có điều lạ là tôi không thấy cái tuổi bảy mươi trên gương mặt chú; chú không có vẻ một ông già bảy mươi. Những người có da có thịt khi về già gầy đi để có nhiều nếp nhăn trên mặt; chú tôi không như thế. Nhưng chú cũng không thể xui người ta nghĩ mình chỉ chừng sáu mươi. Với tôi, chú là người lớn không có tuổi. Có lẽ tại tôi đang nhìn chú bằng

ký ức. Từ lúc nào không biết, khi tôi bắt đầu biết chú trong căn nhà của ông bà nội tôi thì chú đã là "người lớn" đối với cậu bé con là tôi. Chú là thần tượng của tôi ngày nhỏ. Dong dỏng cao, ngực nở nang, bụng thon thon mỗi khi chú ở trần, mái tóc biểng chải rẽ ngôi bên trái, với mấy sợi tóc xõa xuống một phần vùng trán không cao lắm đã là hình ảnh một người trẻ trung mà tôi ao ước khi lớn lên mình cũng sẽ được như thế.

Tôi nghiệm ra rằng gương mặt người thân thường không già, và chỉ có ý niệm về thời gian cho ta biết họ già.

- Cháu cũng già đi nhiều.

Tôi chỉ cười. Chú nói tiếp, với nụ cười nửa miệng:

- Mới đó mới đây mà chú cháu mình đều đã già cả.

"Mới đó mới đây", vâng, đúng thế. Chú đang đo thời gian đấy.

Gương mặt người thân thường không già; chỉ có ý niệm về thời gian cho ta biết họ già. Chắc chú không thấy cháu già, chú vẫn thấy cháu như thằng bé con ngày xưa, phải không chú? Tôi nói một câu thừa thãi:

- Thời gian trôi qua nhanh quá.

Không biết chú tôi có nghe câu nói của tôi không. Ông chợt hỏi:

- Cháu còn nhớ chiếc bàn này không?

Tôi hoàn toàn bất ngờ, chỉ lắc đầu:

- Chịu, không nhớ.

- Thật không nhớ à? Cách đây năm mươi năm cháu ngồi bên chiếc bàn này học những mẫu tự a, b, c,... lần đầu tiên trong đời.

Tôi kinh ngạc, nhìn kỹ mặt bàn, nhìn bốn cạnh bàn, nhìn chân bàn,

và tôi nhớ lại... Đúng rồi, chiếc bàn học rộng mênh mông của ngày xa xưa ấy! Năm mươi năm trong một đời người quả không phải là ngắn. Tôi năm nay đã năm mươi bảy tuổi. Tôi đã ngồi bên chiếc bàn này để làm quen với hai mươi bốn mẫu tự Việt Ngữ lần đầu tiên, lúc lên bảy tuổi. Chiếc bàn hồi đó cao quá, đến cầm tôi, và tập vở học trò thì toàn giấy trắng, chỉ có trang đầu chứa những chữ cái lớn do chú tôi "vẽ" ngay hàng thẳng lối cho tôi tập nhận diện chúng. Và bây giờ, ngót năm mươi năm sau cái ngày xa lắc xa lơ ấy, tôi lại ngồi bên chiếc bàn của ngày xưa, với người thầy học đầu tiên trong đời ấy. Tôi trở về một khởi điểm. Chắc chú tôi cũng đang trở về một khởi điểm nào đó của chú. Trong một đời người ai cũng có nhiều khởi điểm. Và không phải ai cũng có dịp trở về những khởi điểm đó. Tôi trở về một khởi điểm không ngờ, cái khởi điểm của "cơm cha áo mẹ chữ thầy"! Bỗng dưng chiếc bàn học ngày xưa, được gọi lại một cách tình cờ, lại chia trí tôi. Có một cái gì, như một niềm riêng, một mớ ý nghĩ hỗn độn, hay một chạnh lòng, làm chùng xuống trong tôi một tình cảm nao nao. Tôi vẫn nói chuyện với chú tôi, vẫn không quên những thăm hỏi của một người đi xa đã lâu, nhưng ý nghĩ về chiếc bàn học thời thơ ấu vẫn không rời tôi. Chú tôi dường như quên ngay chiếc bàn kỷ niệm chú vừa nhắc, và dẫn dắt những chuyện trò của chúng tôi đi miên man trong hiện tại, thỉnh thoảng mới quay lại quá khứ trong chốc lát, ở những đoạn có liên quan tới câu chuyện đang đề cập. Chú không có khuynh hướng kể nhiều về chuyện xưa như phần đông người già. Tôi bỗng khám phá ra rằng cái đặc điểm đó làm cho đối thoại giữa chú với người khác thế hệ dễ dàng và hứng thú. Đành

rằng một kẻ đi xa nhiều năm quay về như tôi luôn luôn mang một mong mỏi tìm lại những xúc cảm êm đềm của cảnh cũ người xưa, nhưng nếu suốt buổi gặp nhau tôi phải sống với những bóng hình xưa cũ, với những sự việc đã theo tháng ngày trôi xuôi như nước dưới chân cầu, và không còn dính dáng tới thực tại đang diễn ra chung quanh, chắc tôi phải lúng túng đối diện với một người đã tách lìa với hiện tại, một người chỉ thuộc về quá khứ. Cái hố sâu ngăn cách giữa trẻ con và người lớn - giữa tôi và chú tôi - bỗng dưng bây giờ như đã bị lấp gần đầy. Chắc chú tôi cũng thấy thế. Cái khoảng cách mười ba năm giữa hai con người, năm mười bảy tuổi và bảy mươi tuổi, không còn là khoảng cách diệu vợi giữa một cậu bé lên bảy và một trang thanh niên hai mươi. Dường như càng ngày chúng tôi càng gần đồng qui. Một người bạn cũ, được đào tạo trong ngành sư phạm, có lần đã nói với tôi rằng mỗi con người từ lúc bé cho đến mười lăm tuổi đã học hết phân nửa những hiểu biết của một con người trưởng thành. Tôi bỗng thấy gần gũi với điều mà khoa tâm lý sư phạm kia nói; cái tỷ lệ nghịch giữa khả năng hấp thụ và tuổi tác giải thích tại sao tôi thấy cái hố phân cách giữa chú tôi và tôi càng ngày càng mất dần.

Tôi lại nhìn chiếc bàn học - một cử chỉ tượng trưng - và cảm thấy một cái mốc thời gian. Những bóng hình của người thân yêu bây giờ không còn nữa lướt nhanh qua trí tôi, những hình bóng lúc mờ nhạt, lúc đậm nét. Rồi hình ảnh mẹ tôi, kèm theo những kỳ vọng của Người được khơi dậy. Tôi không giữ một ký ức nào rõ ràng về cha tôi, bởi lẽ ông mất lúc tôi còn bé quá. Vâng, những kỳ vọng của một

người mẹ về con mình! Tôi đã học được những gì kể từ cái giây phút đầu tiên làm một cậu bé con người mùi giấy mới, thấy những nét lạ lùng sổ ngang dọc, những hình vòng tròn, những dấu móc, những đường cong uốn éo hở hay khép kín: những biểu thị của chữ nghĩa, của học hành. Tôi đã học được những gì từ điểm khởi hành đó? Tôi đã là một con chim non rời bỏ cái tổ học hành khi mới vừa đủ lông cánh để bay những khoảng cách ngắn. Tôi đã bay ra khỏi ngôi trường làng, ra khỏi lũy tre làng, đã đậu tạm ở một tỉnh lỵ nhỏ, tôi đã bay đến những phố phường rộn rịp rất xa làng quê của mình. Tôi đã cố gắng cắm thêm cho mình những chiếc lông vũ của học hành, những mong sẽ trở thành đại bàng để bay cao, cao vút từng mây... Tôi đã không thành đại bàng, vì tôi không đủ lông vũ để làm loài đại bàng. Bây giờ nhìn lại chiếc bàn học ngày xưa, nhìn lại những gì tôi đã được, đã thua trên chiến trận của cuộc đời, tôi thấy đứng đưng với "giấc mộng đại bàng" không thành. Tôi làm được hay không làm được đại bàng không còn quan trọng nữa, và có quan trọng chẳng là ở ngày xưa, ở kỳ vọng của bao người thân. Bây giờ tôi thấy làm loài chim nào thì vẫn không thoát khỏi những cay đắng của "hơn thua" trong cuộc đời này.

Chú tôi hỏi về những năm tháng phiêu bạt nơi xứ người. Tôi vẫn an chú và gia đình về thời gian dài đằng đẳng tôi xa quê. Chúng tôi nói về những khung trời kỷ niệm chung. Chúng tôi nói chuyện xưa và chuyện nay. Chúng tôi nói về những vui buồn, những thăng trầm trong cuộc sống của nhau. Bỗng nhiên trong hai chúng tôi, chính tôi là người bộc lộ ít nhiều cay đắng về cuộc đời đã nếm trải. Chú tôi thì

không thể. Nếu thằng hoặc ông có nói đến những tấn tuồng của cuộc đời mà ông đã hứng chịu thì thái độ vẫn bình thản như nói về một phần không thể thiếu trong đời sống. Có phải cay cú với cuộc đời là dấu hiệu chưa trưởng thành, có phải người già từng trải nhiều mới đạt tới thái độ bình chân như vại trước mọi màn lớp của cuộc đời? Tôi không sao giải đáp được. Nhưng tôi bỗng chú ý tới lời của chú:

- Cái rối rắm, cái phiền toái của đời sống là tương quan giữa con người với con người. Hồi trẻ chú cũng bất mãn với cái mà ta gọi là tình đời, thói đời, vân vân, nhưng rồi chú tìm ra một thái độ cho mình là cứ bình tâm. Và thái độ đó giúp chú sống thoải mái hơn trước nhiều. Ta không buông xuôi, nhưng hãy xem đối trá, lừa lọc, phản bội, v.v... như là một phần của cái luật bù trừ rộng lớn của Trời Đất. Những ai phải xử dụng tới những vũ khí đó là vì Trời Đất đã cho họ những thứ đó để họ sống còn; còn ai không cần tới những phương tiện đó để tồn tại thì Trời Đất không phú cho họ.

Tôi không biết có nên tin điều chú tôi vừa nói, như ngày xưa tôi đã tin những điều chú dạy vỡ lòng cho tôi. Ngày xưa tôi đã tin chú hoàn toàn khi chú chỉ cho tôi "đây là chữ A, đây là chữ B...", hoặc 2 cộng với 2 thành 4, v.v. Còn bây giờ thì sao? Đúng năm mươi năm sau chúng tôi lại cùng ngồi xuống bên chiếc bàn học ngày xưa, và chú tôi không dạy chữ nghĩa cho tôi nữa, mà chú đang bàn về một bài học khác, bài học của đời sống. Thốt nhiên tôi có cảm tưởng chiếc bàn này mệnh mông hơn cách nay năm mươi năm tôi nhìn thấy. Đón tôi trở về thăm chốn xưa hôm nay, chú tôi không nói những điều tù hãm

như lũy tre làng ngày nào; những điều chú nói bây giờ dường như chẳng có biên giới, chẳng có xưa và nay; nó như đã tiếp giáp với Trời Đất.

Tôi lại nghĩ đến Jean-Jacques Rousseau với lý thuyết về một nền giáo dục tiêu cực: giáo dục bằng cách chẳng giáo dục gì cả, để đứa bé sống "thoát tục", không thành kiến, không nô lệ lễ thói xã hội trước khi tiếp nhận nền giáo dục tích cực là sự truyền dạy điều hay lẽ phải. Tôi không định làm một so sánh, nhưng một người thì đổ lỗi cho xã hội về sự hư hỏng của con người, và một người thì qui mọi điều vào tâm qua ngã "thiên phú". Nhưng nghĩ cho cùng, nếu có xã hội dư phần thì mới phải sử dụng "điều thiên phú". Tôi mơ hồ thấy câu nói của chú tôi có một cái gì gần gũi với nhà tư tưởng Pháp ở thế kỷ thứ 18, tuy mỗi bên xem xét sự việc theo một phương pháp riêng. Tôi bỗng có lại cái cảm giác dễ chịu của những ngày xa lắc xa lơ mỗi lần hiểu được một bài tính đố của chú. Và bài tính nào cũng đặt người giải trước một tình thế cố định, những bài toán ngày nhỏ hay những con tính bây giờ. Chú tôi không có tham vọng thay đổi sự việc của đời sống, mà sự việc tự nó biến đổi "từ con rắn sang sợi dây thừng" dưới nhãn quan của chú!

Tôi từ giã chú mà lòng không ngăn nổi một thoáng u hoài nhân thế. Dĩ nhiên tôi mong còn gặp lại chú. Nếu điều đó không xảy ra được vì hoàn cảnh chú hay hoàn cảnh tôi - ai biết được - hóa ra đây sẽ là lần sau cùng chúng tôi ngồi với nhau bên chiếc bàn học ngày xưa chăng? Nếu quả vậy thì cũng còn một an ủi: chiếc bàn học đã có thủy, có chung - chiếc bàn khai tâm và dưỡng tâm.

*Ngày 9-6-1995*

**Hết**

**Hà Kỳ Lam**

**Chiếc Trực Thăng Cuối Năm**

Tôi có mặt ở Huế vào những ngày cuối của một năm âm lịch, những ngày thiên hạ đang chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán Mậu Thân 1968. Từ tiền đồn Plei Me tôi bay ra đất Thần Kinh vì một công việc riêng trong hai ngày. Xong việc vào ngày hai mươi bảy tháng chạp, tôi vội vã tìm phương tiện vận chuyển để về lại đơn vị. Trong hai ngày ở Huế tôi tá túc tại nhà một người bà con ngay trong khuôn viên trường nữ trung học Đồng Khánh. Thấy tôi nôn nóng, cô em họ của tôi đã phải lên tiếng, "người ta mong có dịp được ăn tết ở thành phố, còn anh thì nôn nóng về rừng!" Quả đúng như vậy. Khối thăng lính, khối các quan lớn nhỏ mỗi năm vẫn than thở cái điệp khúc tết xa nhà; khối bạn bè của tôi vẫn tìm mọi cơ hội để có mặt ở thành phố trong ba ngày tết. Và tôi cũng thấy cái vô lý của mình. Nhưng tôi muốn rời Huế, tôi muốn rời thành phố. Thật khó nói, khó giải thích cái muốn của tôi, nhưng đó là điều có thực trong lòng, chẳng phải đoán lược, chẳng phải đáng vẻ. Một thân một mình, tôi đến, tôi đi, tôi

ở lại, vân vân, chẳng bận lòng ai; và rủi tôi có nằm xuống ở một chiến trường xa xôi nào đó, thì cũng chẳng để lại phiền hà cho ai, và chính tôi cũng chẳng thấy vấn vương ra đi! Với cảnh ngộ cô cút của tôi, tết ở thành phố còn "hoang vắng" hơn giữa rừng già với lính tráng. Bỗng dưng nếp sống quân ngũ - tôi muốn nói đơn vị tác chiến - thích hợp với mình. Tôi bù đắp sự cô độc của mình bằng một tập thể cùng chung một số phận. Lại thật, có những tập thể cùng chung thân phận thì phải loại trừ lẫn nhau để sống còn. Những con người traten mạc không theo luật đó của đời sống!

Và tôi nhất quyết "ra đi". Tôi nhờ người bà con chở tôi vào sân bay Thành Nội tìm một chỗ trên một chuyến bay quân sự vào Đà Nẵng để từ đó tôi tìm phương tiện chuyển vận cho đoạn đường còn lại. Tôi chọn sân bay này thay vì phi trường Phú Bài vì hy vọng sẽ gặp một trong hai thằng bạn lúc bấy giờ thuộc phi đoàn quan sát 110 vẫn thường xuyên đáp xuống đây trong các phi vụ công tác. Có lẽ tôi phải dài dòng một tí về tình trạng giao thông giữa Huế và Đà Nẵng trong giai đoạn này của cuộc chiến. Đường bộ giữa hai thành phố đó đã bị cắt đứt hoàn toàn - không có xe lửa, không có xe đò, không có một đoàn xe quân sự nào trên đoạn đường dài một trăm mười cây số xuyên qua đèo Hải Vân. Phương tiện vận chuyển chỉ còn đường hàng không và đường biển, nhưng thông dụng vẫn là đường hàng không. Nói đúng ra chỉ còn đường bay quân sự là phương tiện tôi có thể nhờ vả, còn hàng không dân sự thì trong trường hợp tôi - không muốn ăn tết ở Huế - coi như không có, vì vé máy bay rời Huế trước tết nguyên đán đã bán hết rồi!

Phi trường Thành Nội - gọi phi trường nghe cho oai - là một đường bay nhỏ, chiều dài khoảng ba trăm thước, nằm ngay bên ngoài hoàng thành Huế, dùng cho phi cơ nhỏ cỡ sáu chỗ ngồi trở xuống, và cho trực thăng. Tôi vẫn thường chế giễu cái sân bay tí hon này: nằm sát chân thành vua, hai đầu phi đạo bị chặn bởi hai đoạn hồ sen vốn là hào làm chướng ngại vật vây quanh thành, chẳng đúng một tiêu chuẩn nào của một sân bay! Nghe đâu sân bay này do vua Bảo Đại lập ra để tập lái máy bay. Hành khách đặt hy vọng vào những chiếc trực thăng hơn vì số lượng máy bay này nhiều hơn các phi cơ cánh quạt khác. Nhưng so với khối lượng người đang chờ đợi kia thì mỗi người đều thấy mình ít có hy vọng được bước lên phi cơ. Trong những ngày tháng tận năm cùng như hôm đó, quân nhân đi công tác về, đi phép đặc biệt vân vân, tất cả đều nôn nóng mong có phương tiện để về nhà kịp dịp tết, nên hành khách đông hẳn lên, gấp bội ngày thường. Tôi chẳng thấy bóng dáng thẳng bạn phi công nào của mình. Nhìn cái tập thể trong quân phục lơ nhố chờ máy bay đến, nhìn những chiếc máy bay cất cánh mang theo vài người hoặc từ chối không "lấy" một ai, tôi bỗng thấy thất vọng: phen này đành ăn tết ở Huế vậy!

Rồi tôi nghĩ đến phi trường Phú Bài với những chiếc vận tải cơ C47, C123, v.v. có khả năng tiếp nhận hành khách hàng loạt; tôi hy vọng có nhiều cơ may ở đó hơn. Nhưng tôi lưỡng lự. Chẳng phải vì phi trường cách xa thành phố Huế cả mười lăm cây số. Chẳng qua vì tôi lại mâu thuẫn với chính mình! Tội gì lại phải lặn lội đi tìm phương tiện về rừng. Tôi tuyên bố bỏ ý định rời Huế trước tết trong vẻ hân hoan

của người bà con tôi. Chúng tôi quay lưng để tiến về nơi đậu xe của mình. Cùng lúc đó tiếng động cơ của một chiếc trực thăng sắp đáp xoáy vào tai tôi. Cái ý muốn rời Huế từ vô thức làm tôi khựng lại. Tôi khẽ bảo "bác tài" của tôi "chờ xem thử ra sao". Chúng tôi xoay người lại, đứng nhìn một chiếc trực thăng võ trang - một chiếc gunship, như tên cúng cơm của nó - từ từ đáp thẳng đứng xuống một điểm cách chỗ chúng tôi đứng khoảng năm mươi thước. Phi hành đoàn là người Mỹ. Một làn sóng người ủa đến, trong khi hai xạ thủ viên từ hai bên hông máy bay nhảy xuống cản lại và lúc lắc đầu, một ký hiệu từ chối nhận hành khách.

Chúng tôi đứng xa cách với đám đông đang "bon chen" chung quanh chiếc trực thăng. Chúng tôi đứng chơ vơ, không bị "đồng hóa" với mọi người. Giữa khoảng trống chỉ có hai người đàn ông, một người vận thường phục và một người khoác quân phục Lực Lượng Đặc Biệt - đồ rắn rì, mũ bê rê xanh. Không biết có phải vì cái vẻ "đặc biệt" đó mà một trong hai xạ thủ viên kia, một anh chàng Mỹ có bộ ria mềp vàng như râu bắp, bỗng giơ cao cánh tay mặt lên vẫy hồi hã về phía chúng tôi. Thật khó biết anh ta vẫy ai, vì chung quanh chúng tôi lúc bấy giờ còn bao nhiêu quân nhân khác đứng rải rác. Tôi nhìn quanh mình một lượt, rồi lấy tay chỉ vào ngực mình, một tín hiệu hỏi "có phải tôi không?". Anh chàng Mỹ râu bắp vừa gật đầu, vừa dùng ngón tay cái chỉ thẳng lên. Tôi cơ hồ nghe bên tai một âm vang tưởng tượng, "chính anh đấy!". Mừng quá, tôi chỉ kịp chìa tay nắm bàn tay của người bà con và nói, "thôi tôi đi nghe bạn". Khó nhọc lắm tôi mới chen lẫn đến gần chiếc trực thăng. Anh chàng râu bắp phải nhảy

xuống, "dọn đường" hộ và nắm tay tôi kéo lên máy bay. Chiếc trực thăng nhấc bổng lên cao dần, rồi quay đầu, phi thân qua giòng sông Hương đang lững lờ bên dưới. Tôi thấy lòng phơi phới, nhăm tính chương trình cho những ngày sắp tới. Phi cơ bay dọc theo bờ biển. Lần đầu tiên tôi có được một cái nhìn bao quát từ trên cao hình thù đèo Hải Vân, một đường đèo lượn khúc theo biển xanh. Anh chàng Mỹ râu bắp nhìn tôi và đưa ngón tay cái chỉ thiên, một thủ hiệu ngầm nói "number one". Tôi hiểu anh khen đất nước tôi đẹp. Nếu có ai nói cho anh ta biết rằng chiều dài rặng núi cũng là khoảng cách giữa hai giọng nói - giọng Thừa Thiên dừng lại ở chân đèo phía bắc, và giọng Quảng Nam dừng lại ở chân đèo phía nam - thì chắc anh chàng còn thấy đèo Hải Vân tuyệt vời hơn nữa. Đến không phận Đà Nẵng tôi ngạc nhiên khi anh ta hỏi tôi muốn về đâu. Tôi đáp rằng cứ thả tôi xuống phi trường là được rồi. Nhưng chiếc máy bay cứ tiếp tục bay về hướng cầu Trịnh Minh Thế, rồi từ từ hạ cao độ, đáp ngay bên đầu cầu, tức một khoảng lẽ đường, rất gần giòng xe cộ đang lưu thông. "OK?", tôi đáp "thank you" rồi nhảy xuống. Và chiếc máy bay lại nhấc bổng lên, và từ từ mất hút vào khoảng không gian xa, về phía Sơn Trà. Độc giả ở Đà Nẵng hẳn biết từ điểm này tôi chỉ cuốc bộ một đoạn ngắn là đến đường Trưng Nữ Vương. Tôi đi dọc theo con phố một quãng không xa để đến nhà một người bà con ở khu Chợ Mới nơi tôi sẽ ngủ qua đêm. Quái, sao mọi sự dường như được sắp xếp cho tôi được thuận lợi.

Tôi về lại căn cứ Plei Me đúng ngày cuối năm, ba mươi tháng chạp, kịp đón giao thừa giữa những người lính xa nhà hay không nhà như

tôi...

Sau một đêm thức khuya, hôm sau, Mồng Một Tết Mậu Thân năm 1968, tại Plei Me tôi thức dậy muộn. Còn nằm trên giường tôi với tay mở chiếc máy thu thanh nhỏ chạy bằng pin để ở đầu giường. Giọng quen thuộc của một phóng viên chiến trường đang oang oang tường trình về chiến sự trong mấy tiếng đồng hồ qua Tôi bỗng cảm thấy như bị điện giật khi nghe đến tên "thành phố Huế" bị tấn công. Rồi nhiều thành phố, thị trấn nữa. Chiến sự sôi động trên toàn thành thị miền Nam. Ở Plei Me, chúng tôi đón xuân âm thầm, nhưng yên ổn đón xuân sang, trong khi người dân thị thành đang hứng chịu bom đạn, đổ nát, tang tóc! Tôi chờ nghe bản tin chiến sự nhiều lần nữa trong ngày, đặc biệt chú ý đến những gì liên quan đến Huế của tôi. Tôi bàng hoàng nghe tin trường Đồng Khánh nằm trong danh sách những nơi bị địch chiếm. Tôi mơ hồ thấy mình may mắn. Tôi mơ hồ thấy mình thương Huế.

Phải mất một thời gian nữa, sau khi chiến trường ngã ngũ, khi tin tức và hình ảnh về cuộc thảm sát trên bốn nghìn người do phía bên kia thi hành trong thời gian chiếm đóng Huế, tôi mới ý thức rõ ràng nhất cái may mắn của mình. Tôi thấy thương Huế hơn bao giờ hết. Nếu không có chiếc trực thăng kia, tôi đã ở lại trong trường Đồng Khánh, để đón xuân cùng gia đình người bà con của tôi - hay để đón nhận thảm họa? Những người anh em phía bên kia chắc chắn đã không để tôi yên thân. Tôi có cùng chung số phận của mấy nghìn người khác không? Tôi không hiểu nguyên do gì đã khiến phi hành đoàn của chiếc trực thăng kia "cứu" tôi. Có lẽ do bộ quân phục rằn ri của Lực

Lượng Đặc Biệt. Có thể viên phi công đã từng chở các toán thám sát chúng tôi, nên một chút cảm tình cá nhân do màu áo gợi lên khiến anh ta hành động. Cũng có thể vì tôi đứng xa quá, bơ vơ quá, không bon chen, mà phi hành đoàn đã thương hại tôi. Tôi thật không hiểu nổi. Nhưng dù với bất cứ nguyên nhân gì, chiếc trực thăng cuối năm kia đối với tôi mãi mãi là một định mệnh, một sắp đặt huyền bí, một an bài kỳ lạ.

*Hà Kỳ Lam*

*Ngày 6 tháng 12 năm 2000*

**Hết**

**Hà Kỳ Lam**

**Đêm Cửa Đại**

Thương tặng Hội An.

Một chiều cuối năm lạnh giá và ảm đạm ở ngoại ô Paris, hai bà cháu người Việt

- một cô gái mười tám và một bà cụ trên bảy mươi
- ngồi tâm sự chuyện đời, chuyện nắng mưa trên xứ người. Xứ người! Gọi như thế chỉ đúng với bà cụ, và không đúng với cô gái, vì cô sinh ra và lớn lên trên đất Pháp này. Tuy có một khoảng cách thế

hệ và một khoảng cách văn hóa giữa hai người, Natalie, cô cháu, lại rất gần gũi, khăng khít với bà ngoại của cô, một điều hiếm thấy ở những gia đình Việt di dân trong đó thế hệ thứ hai và thứ ba sinh đẻ và lớn lên ở xứ người.

Nhưng bỗng dưng câu chuyện hôm nay giữa hai bà cháu lại rẽ một lối bất ngờ làm bà già bỗng thần thờ; nếu không gượng giấu xúc động, có thể bà ta đã ngộp thở, đã ngất xỉu cũng nên. Cô gái kể cho bà về một đám giỗ trong một gia đình Việt Nam ở tỉnh Narbonne tận miền Nam mà cô tham dự tuần trước. Cô kể lại câu chuyện tình của người đàn ông quá cố do gia chủ thuật hôm đó. Cô biết đại khái nhân vật nam trong câu chuyện vừa từ giã cõi đời năm ngoái tại Sài Gòn, rằng ông ta đã có mối tình đầu tại Hội An trong thời gian làm thủy thủ trên một ghe buôn. Duyên nợ không thành vì cha mẹ cô gái ngăn chặn cuộc tình của đôi lứa. Người đàn ông đau buồn, bỏ thành phố, đi xa, và đã kết hôn với một người khác. Không nghe đề cập đến nhân vật nữ trong chuyện tình dang dở kia, ngoại trừ một chi tiết về sắc đẹp khuynh thành của bà. Natalie bỗng cảm thấy bối rối, chẳng hiểu vì sao những điều cô nghe kể trong một đám giỗ tại nhà một người bạn đồng bào với mình lại làm bà ngoại cô có vẻ phiền muộn và quan tâm. Chắc tại tên quê hương được nhắc tới. Cô hy vọng thế. Nhưng với bà Dung, mối tình đầu trên nửa thế kỷ qua nằm sâu trong lòng như một giòng suối ngầm, nay bất chợt được khơi dậy đã chảy lộ thiên và lai láng. Không nghi ngờ, bà đoán quyết gia đình ở Narbonne kia có gốc rễ, mối mớ với cố nhân của bà. Bà có nên dò tìm ngọn nguồn của họ chẳng. Từ sâu thẳm trong lòng, bà Dung

nghe như có câu trả lời, vô ích, để làm gì. Thế là cố nhân của bà đã già từ cõi đời lắm đau thương, lắm phong ba bão táp này đúng một năm rồi. Người nằm xuống tận phía Nam, không phải tại làng Phước Trạch, nơi bà đã nhìn Người ra đi. Lần tiễn đưa là lần cuối gặp nhau. Ôi Phước Trạch, dải đất quê xưa giờ ra sao? Người chỉ chúc cho bà mọi sự may mắn ở quê nhà, và mong bà chóng quên người ra đi.... Ký ức của năm mươi năm về trước lại rõ ràng như mới hôm qua, lại có thể làm sứt sùi cõi lòng tưởng đã chai cứng từ lâu.

Cuộc hôn nhân đằng đẳng ba mươi bảy năm với người đàn ông di chủng quê ở ngoại thành Paris lại chẳng để lại bao nhiêu dấu ấn sâu đậm trong lòng bà. Bà Dung bỗng thèm được một lần về thăm quê xưa, thèm mãnh liệt. Nếu không có diễm phúc được gởi năm xương tàn ở quê nhà, bà ước ao ít ra một lần thấy lại quê cũ. Bà cũng chẳng hiểu lắm ước muốn của mình. Để làm gì? Có còn gặp được cố nhân nữa đâu. Nhưng còn họ hàng thân thuộc, ai còn, ai mất, và cảnh cũ với bóng hình người xưa

- chỉ là bóng hình thôi sao! Nhưng dù sao, đó vẫn là nỗi khắc khoải trong lòng bà Dung chiều nay. Natalie không dẫn được câu hỏi:

- Ngoại làm sao vậy? Bỗng dưng con thấy Ngoại không được vui.

Bà Dung thoáng bối rối. Phải chi Ngoại kể được với con về người đàn ông trong câu chuyện con nghe! Nhưng thôi. Có thể một ngày kia con hiểu. Có thể chẳng bao giờ con biết được Ngoại có một quá khứ nằm trong từng góc của cái quá khứ bên kia biển mà Ngoại vẫn hay kể cho con nghe, mà trí tò mò của con không ngừng tìm kiếm qua hàng loạt câu hỏi

- những câu hỏi có khi làm Ngoại lúng túng, bởi vì chúng chạm tới lớp sâu kín của ký ức mà Ngoại không muốn khơi dậy. Bà Dung nhếch mép thành một nụ cười, và xoa đầu cô gái:

- Ngoại nhớ Phước Trạch với hình ảnh đoàn ghe bầu thả neo ở Cửa Đại, Ngoại nhớ con sông Thu Bồn với những bờ cát vàng hay ruộng dâu xanh mượt đôi bờ. Khi nào con ra trường, có việc làm, con có thể đưa Ngoại về thăm lại làng Phước Trạch không? Ba má con thì đầu tắt mặt tối cũng chỉ nổi được hai đầu tháng.

- Oui, Bà Ngoại. Con sẽ để dành tiền, và bà cháu mình sẽ về Phước Trạch, Hội An. Ngoại sẽ dẫn con đi thăm những nơi Ngoại vẫn kể cho con nghe, phải không Ngoại?

- Ừ, bà cháu mình sẽ về thăm Việt Nam. Năm năm sau cái buổi chiều cuối năm ngoại ô Paris mà Natalie và bà ngoại cô ngồi nói với nhau về giấc mơ hồi hương....

Đời sống vẫn chuyển dịch bình thường. Vâng, nhịp độ đời sống vẫn bình thường với tuổi trẻ, nhưng với tuổi già, năm năm trong nhịp độ gia tốc của sự rơi thì quá nhiều! Bà Dung không chờ Natalie được. Bà đã rơi tới đích:

bà đã từ trần được hai năm rồi. Một bà nằm cạnh một chồng, ông Russel, tại nghĩa trang thị trấn Lognes, ngoại ô Paris. Natalie rưng rưng nước mắt khi nhận được thư của Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học, và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc báo tin cô đã được chấp thuận làm việc tại Việt Nam. Bà Ngoại ơi, cuối cùng con đã hoàn thành mọi sự để có thể về quê hương thì thiếu Ngoại!

UNESCO đã gửi phái đoàn đầu tiên đến Hội An từ khi chiến tranh kết

thức năm 1975 để nghiên cứu kế hoạch trợ giúp bảo tồn đô thị cổ này, và Natalie đã tháp tùng với tư cách chuyên viên, vì ngoài điều kiện tốt nghiệp học viện Ngôn Ngữ và Văn Minh Đông Phương, cô đã được tổ chức này thu dụng hơn các ứng viên khác vì yếu tố chủng tộc. Về phần mình, Natalie thấy giòng máu lai Việt đến ba phần tư trong huyết quản cô cũng chẳng là cái gì xứng hợp với công tác như họ nghĩ, nếu cô không theo học khoa nhân văn kia. Chính lãnh vực nghiên cứu đã bắt chiếc cầu ngang qua cái vịnh văn hóa và tuổi tác chia cách cô và bà ngoại cô. Cứ xem cha mẹ cô thì rõ; họ xa cách với thế giới của bà ngoại cô quá chừng! Natalie đã tìm thấy ở bà ngoại mình một gia sư, và một người bạn. Cô đã dàn xếp để tìm thăm những người liên hệ gia tộc mà từ bé đến giờ cô chưa hề gặp - những người mà chỉ có bà ngoại của cô mới biết được. Nhưng người ở lại quê hương thì nhờ cái nền tảng gia tộc từ bao đời truyền lại đã không mấy khó khăn xác định được khúc ruột ở xa vạn dặm, cho dù khúc ruột đó có dính một phần tư máu huyết ngoại lai. Họ ân cần với cô, xem cô như là sứ giả của bà Dung, người con của gia tộc đã đi xa, đi xa mãi không về. Natalie đã được hướng dẫn đi thăm những nơi mà bà ngoại cô đã kể, đã hằng ao ước được thấy lại. Cô vào xem khu chợ Hội An, và trước mỗi gian hàng cô cố mừng tượng hình ảnh người thiếu nữ tên Dung ngày xưa ngồi bán hàng. Natalie bước ra ngoài, đến đầu chợ, nhưng không tìm thấy giếng máy công cộng, nơi ngày xưa cô Dung từng bị đám con trai trêu chọc mỗi khi nàng đi ngang qua. Người bà con hướng dẫn viên cho hay giếng đã bị phá bỏ từ lâu rồi.

Và cuối cùng Phước Trạch đây rồi. Bây giờ Natalie mới đích thực đặt chân đến một làng quê Việt Nam. Bà ngoại đã đến từ một thế giới như thế này để khai sinh ra mẹ cô, và cô sao? Thế giới ngày xưa của bà ngoại có giống như thế này không? Tất cả là một cái nghèo, cái nghèo rộng lớn bao trùm lên ngàn dừa xanh nhiệt đới, lên bờ bụi hoang phế, lên đất cát khô cằn, nhọc nhằn, lên người già và trẻ con gầy guộc, và thậm chí lên trâu bò khẳng khiu.... Thoạt đầu Natalie ngạc nhiên khi nghe những đứa trẻ mời cô mua hàng bằng tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp không đúng tiêu chuẩn nhưng dễ hiểu! Người hướng dẫn giải thích rằng, mới mấy năm trở lại đây thôi, du khách, nhất là người Pháp, đã lui tới đây nhiều, và trẻ con đã kiếm được tiền bằng cách bán hàng cho du khách; chúng nhi nhô tiếng Tây, tiếng U cũng được việc lắm!

Trở lại Paris, Natalie rất hài lòng về khoảng thời gian làm việc tại Việt Nam, về chuyến thăm Hội An. Hợp đồng một năm với UNESCO trôi qua nhanh. Nhưng dù có được gia hạn cô cũng không muốn tiếp tục, nghĩ mình chưa đủ già để đi theo lối mòn mãi. Nhìn thấy nỗ lực bảo tồn những di tích tại Hội An, và vài nơi khác, cô không khỏi ngỡ ngàng nhớ lại những gì mình đã đọc về một giai đoạn lịch sử của đất nước này, một thời kỳ cũng chính chính quyền này hô hào phá bỏ những giá trị cổ xưa, triệt hạ cả một lớp người, và bao nhiêu công trình. Lịch sử phải chăng là những tái diễn, những phi lý, những gì gì nữa, trong một chu kỳ kín không lối thoát? Natalie không muốn nghĩ ngợi xa xôi. Tuổi trẻ hôm nay có lẽ vị kỷ hơn ngày xưa, Natalie nghĩ thế. Tạm biệt thành phố cổ, cô mang theo những thoáng rung động

nhẹ nhàng do cảnh trí, do những người cô gặp gỡ. Và Natalie cũng mang theo câu chuyện tình đầu của bà ngoại cô do một người lớn tuổi nhất trong gia tộc kể, bà Thu, em gái của bà ngoại cô Natalie đã nhớ lại câu chuyện trong đám giỗ năm nào tại nhà một người quen ở Narbonne; lần đó cô được biết nỗi ân hận của người đàn ông trong câu chuyện tình ngang trái kia là đã bỏ lỡ dịp thuyết phục người yêu trốn theo mình. Rồi cô liên tưởng đến một chi tiết do bà Thu kể, theo đó bà ngoại cô mãi mãi biết ơn, mãi mãi kính trọng cố nhân về sự cao cả của người trong đêm tắm tối năm xưa bên bờ Cửa Đại, và thấy lòng chùng xuống theo một thoáng nghĩ ngợi. Một bên nuôi tiếc, và một bên an phận, bằng lòng. Có bao giờ họ gặp lại nhau ở một thế giới nào đó để cùng cảm thông? Natalie nghĩ bây giờ mình đã hiểu câu chuyện tình buồn trên nửa thế kỷ qua!

Hội An những năm đầu của thập niên 1920. Thành phố cổ xưa nhất Việt Nam, sót lại từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, thủ phủ của tỉnh Quảng Nam, đang rụt rè đón nhận chương trình mở mang của người Pháp. Những đường phố làm ra từ thế kỷ thứ 17 chỉ để di chuyển bộ hoặc cho xe ngựa, xe bò, với lòng đường chật đến nỗi không có chỗ cho xe hơi, dù nhỏ nhất, lưu thông hai chiều. Nhà san sát nhau, kiến trúc lối xưa, tối và dài thăm thẳm; nhiều nhà thông ra hai mặt đường phố. Không thể mở rộng đường phố, vì nếu làm thế sẽ phải phá bỏ toàn thành phố!

Đường xe lửa xuyên Việt chưa hoàn thành, nên phương tiện giao thông đường biển, đường sông bằng thuyền vẫn đặc dụng, thậm chí là huyết mạch cho toàn xứ. Hội An nằm ven sông, và lại gần biển cho

nên đã là điểm thương mại sầm uất trong tỉnh. Ngôn vừa hai mươi một tuổi. Anh làm việc trên một ghe buôn lớn chạy đường biển từ Thanh Hóa vào Nam. Người Quảng Nam gọi loại thuyền buồm vận tải viễn dương này là ghe bầu.

Natalie nhớ có lần hai bà cháu cô đã thảo luận về tên gọi này. Bà ngoại cô cho rằng vì ghe hình hơi bầu dục nên được gọi như vậy, còn cô thì căn cứ vào tài liệu tham khảo đã chấp nhận giả thuyết tên ghe bầu bắt nguồn từ tiếng Mã Lai, gay-prau, có nghĩa là thuyền buồm, một giả thuyết có vẻ phù hợp với sự kiện trong quá khứ Hội An từng là cái nôi xào bần của các yếu tố văn hóa Chăm-Việt-Mã Lai-Nam Đảo-Trung Hoa.... Đám thủy thủ ghe bầu góp phần không nhỏ cho sự phồn thịnh của thành phố cổ nhỏ bé Hội An, vì hầu như lúc nào Cửa Đại, bãi biển cách Hội An khoảng bảy cây số, cũng có năm bảy chiếc ghe buồm khổng lồ này thả neo nằm chờ.... Thường thường mỗi chiếc ghe cặp bến năm đợi cả tháng hoặc lâu hơn để bán cho hết số hàng hóa mang theo, để chờ nhập thổ sản, và cũng để chờ gió mùa cho lộ trình về. Đám thủy thủ sử dụng thời giờ nhàn rỗi ở những quán ăn, quán nhậu, những cửa hàng tạp hóa, những nhà chứa sòng bài, v.v. trong thị xã. Lần đó chiếc ghe của Ngôn nằm ở Cửa Đại gần ba tháng. Ngoại trừ những lúc lên hoặc xuống hàng ghe phải men ngược sông Hoài, nhánh đổ ra biển của sông Thu Bồn, để cặp bến Sơn Phô gần thành phố hơn, phần lớn thời gian chiếc ghe của anh ta thả neo ở Cửa Đại. Những ngày đầu Ngôn lang thang khắp nơi trong thành phố, xem phong cảnh chỗ này, chỗ kia, vì là lần đầu tiên anh có dịp đặt chân đến một thành phố cổ kính như vậy.

Không giống như các bạn đồng nghiệp trên các ghe bầu, Ngôn không thích rượu chè, bài bạc, nên Ngôn không lai vãng các tiệm nhậu, các sòng bài trong thành phố. Sau mấy ngày rong chơi, hết chỗ mới để đi xem, Ngôn lại về ghe nằm chèo ngoeo, hoặc vào làng Phước Trạch, một làng chài lưới ở sát Cửa Đại, làm quen với các người lớn tuổi để chuyện trò hoặc chơi cờ tướng cho qua thì giờ. Một hôm, cần mua một số vật dụng, và cũng thêm món cao lầu nổi danh của Hội An, Ngôn lại bò lên thành phố. Ngôn đến một gian hàng xén trong chợ. Thoạt bắt gặp cái ngược nhìn của cô bán hàng, Ngôn mất bình tĩnh hẳn. Ngôn nhủ thầm, làm gì mà ruột rè thế, thật buồn cười. Thế nhưng anh mất bình tĩnh. Anh chưa bao giờ cảm thấy như thế trước một người con gái, dù đẹp, dù xấu. Và không phải anh chưa từng gặp con gái đẹp. Thật là kỳ lạ. Cái nhan sắc này có một cái gì khó tả. Gương mặt cô gái toát ra một vẻ hiếm thấy. Nó vừa hiền hòa, vừa nghiêm nghị, vừa ân cần lại vừa cao sang, xa cách; nó có cái gì dễ cảm, dễ mến, mà lại làm người ta nể sợ, không dám buông lời sàm sỡ để chọc ghẹo.

Từ hôm khám phá ra giai nhân trong khu chợ Hội An, Ngôn lên phố hằng ngày, đi lang thang đây đó để cuối cùng ghé gian hàng xén nhìn mặt nàng cho đỡ nhớ. Ngôn vẫn chưa nói được một lời bày tỏ con tim thổn thức của mình, ngoài mấy câu hỏi giá cả cộc lốc của anh và mấy câu trả lời êm ái, dãi dụa rất con buôn của người đẹp. Dĩ nhiên. Còn quá sớm!

Thế rồi, ngày một ngày hai, họ quen mặt nhau quá, và cái thân tình giữa hai bên chợt đến lúc nào không ai hay, chỉ biết mỗi lần chạm

mặt nhau, người này không giấu được nỗi vui mừng đối với người kia. Về phần Dung, cô hàng xén, sự quen mặt khiến nhiều lúc cô quên cả giữ ý tứ với chàng trai.

Một hôm, Ngôn vừa bước đến chỗ bán hàng, Dung bỗng vụt miệng hỏi, anh ăn cơm chưa?. Thốt xong câu hỏi, Dung bỗng ngượng đĩnh người, hai tai nóng bừng, mặt đỏ lên. Ô hay, mình khéo lo thì thôi. Mặc xác chàng ta, sao mình lại ân cần thăm hỏi không đúng cách thế kia! Ngôn đọc ngay trong câu hỏi bất ngờ, trong sự lúng túng sau đó của người con gái một cái gì làm ngây ngất lòng chàng trai mới lớn. Dung không ghét mình như lỗi làm vể xa cách của nàng. Đêm đó, về ghe của mình, Ngôn trăn trọc, thao thức, đến khi gà gáy đầu vẫn chưa chợp mắt được. Anh hình dung lại nét mặt khả ái, dịu hiền của cô hàng xén, lắng nghe mãi dư âm của điệp khúc anh ăn cơm chưa?. Ôi, tất cả thật là huyền hoặc, liêu trai, thật là mộng mị, nhưng sao thật là hiện hữu. Trăm năm chỉ chờ cái khoảnh khắc kỳ ảo này thôi - mặc khải của tình yêu đã đến. Không còn một con tim đơn độc gõ nhịp nữa, mà là sự hòa điệu của đôi lòng. Ngôn lên phố thường xuyên hơn. Anh chuyện trò với Dung nhiều hơn. Họ hiểu nhau hơn. Mỗi ngày qua, tình tự giữa hai người cứ hơn mãi. Ngôn kể về gia đình của anh ở quê nhà Thanh Hóa, một gia đình chẳng cao sang, nếu không muốn nói nghèo, nhưng rất đầm ấm, trên thuận dưới hòa. Dòng họ Dung bao đời cắm rễ trên mảnh đất Phước Trạch, và biển cả như mẹ hiền nuôi dưỡng bao thế hệ. Bố mẹ Dung là lớp người đầu tiên của dòng họ đã thoát ly giòng đời truyền tử lưu tôn tự nghìn xưa để khởi nghiệp tại Hội An. Dung tâm sự với Ngôn về nỗi buồn

con gái, về thảng ngày lặng lẽ của mình bên bố mẹ nghiêm khắc, giữa anh chị em không hiểu mình, giữa đô thị cổ hẹp hòi, cổ chấp, ngọt ngọt. Ngôn kể về cuộc đời sớm làm lụng của anh, về ước vọng tương lai.... Bỗng dưng Dung nhìn đôi bàn tay nở nang của anh

- đôi tay làm lụng

- với một niềm cảm mến kỳ lạ. Thực ra, Dung chưa thấy khuôn mặt con trai nào khả ái như Ngôn; mặt thon nhưng không dài, với chiếc cằm hơi bạnh chứ không nhọn; màu da sạm nắng của người đi biển ở anh vẫn pha chút hồng hào tự nhiên. Đặc biệt đôi mắt to, nâu thẫm, dưới hàng lông mày rậm đáng lẽ khiến tia nhìn có vẻ dữ dội thì lại khá hiền hòa dưới riềm mi hơi dài. Tất cả làm anh tương phản với tập thể dân đi biển mà cô đã quá quen nhìn. Cô ngầm so sánh anh với những công tử đang chạy theo cộ Đám người kia ẽo lã, yếu đuối, thừa tiền, lắm của, đi chinh phục giai nhân bằng sự bảo chứng của mớ tài sản vật chất sau lưng. Dung thấy cái tình của giới giàu có đôi khi không đo bằng quả tim rướm máu của Trương Chi, còn tấm chân tình của người con trai phương xa đang đứng trước cô là một khối tình Trương Chi - cô cảm nhận thế

- nếu anh ấy thất tình! Ờ mà thất tình vì ai?

Dung liếc nhanh Ngôn, sợ anh ta lại đọc được ý nghĩ của cô, hay lại thấy cô đỏ mặt. Cái hình ảnh thỉnh thoảng vẫn hiện về trong trí làm cộm một cảm giác khó chịu trong cô là viên công sứ Pháp tại Hội An. Dung chẳng có một chút thiện cảm với hắn. Hắn ta theo đuổi cô một cách trắng trợn, chứ không dè dặt, từ tốn như các chàng công tử địa phương. Và, oái oăm thay, bố mẹ cô lại thỉnh thoảng buông lời đùa

cột úp mở với cô về hẳn. Bể đi một ngày Ngôn không đến cửa hàng. Dung không vui vẻ bán hàng như mọi khi, lòng cứ trông ngóng, chốc chốc lại nhìn về phía giếng máy, hướng anh ta vẫn đến mỗi lần Ềên phố. Ngày hôm sau anh chàng đến sớm hơn thường lệ nhiều; Dung vừa bày hàng xong đã thấy Ngôn xuất hiện. Mừng nhưng ngạc nhiên, ánh mắt Dung làm anh bối rối, lúng túng. Trực giác con gái làm Dung chờ đợi một điều gì.... Quả nhiên, rất nhanh Ngôn liếc trước, liếc sau để chắc không có người mua kẻ bán đến gần, vội lùa tay vào túi áo bà ba lôi tờ thư gấp làm tư đặt lên mặt kính quầy hàng rồi bỏ đi. Trong một thoáng Dung hoảng hốt, muốn gọi Ngôn lại để trả bức thư nhưng miệng như cấm khẩu, và người con trai thì vụt một cái đã cách một khoảng xa!

Cô vợ vội tờ giấy nhét vào túi áo mình.

Chiều hôm ấy, dọn dẹp hàng hóa xong, để mặc cho người nhà gánh về sau, Dung thoãn thả đi về trước, một điều trái với thông lệ mỗi ngày của cô Bước vào căn buồng ngủ tối mờ mờ, gài then cửa, cô bật đèn và run run mở lá thư của Ngôn. Lần đầu tiên trong đời con gái Dung được một chàng trai gửi thư cho mình. Chẳng phải ít người theo đuổi cô, nhưng những người kia chỉ thậm thụt lui tới rồi nhờ mỗi mai bản tiếng với gia đình cô Dung được biết ít ra đã ba đám đến dạm hỏi cô, và bố mẹ cô có vẻ còn trông chờ một nơi môn đăng hộ đối hơn. Những chàng trai kia chỉ có ông mai bà mối là sứ giả tình yêu!

Ngôn khác hẳn. Tuy chưa đọc, Dung đã dự đoán bức thư là một lời tỏ tình. Và như vậy chẳng có gì đường đột, mà mọi sự trên giấy

trắng mực đen chỉ là sự xác nhận của ánh mắt, nụ cười, của những lời ỡm ờ xa xôi, của cử chỉ vụng dại si tình

- sự xác nhận cái thông điệp bất thành văn mà Dung đã nhận từ lâu nay. Ấy thế mà Dung vẫn sợ phải đọc nó. Lúc Ngôn đặt phong thư lên mặt quày hàng, tim cô như ngừng đập, miệng cô muốn nói, Ờ thôi đừng viết ra anh ơi, em sợ phải đọc nó, em sợ một sự công khai hóa, sợ tai mắt của cuộc đời thóc mách chung quanh ta, và em muốn chúng ta cùng giữ trong lòng Ờ. Sau khi đọc ba lần tờ thư của Ngôn, Dung vội xếp lại nhét vào túi áo, một thái độ cẩn thận mà chính Dung cũng thấy tức cười. Cô có cảm tưởng mọi người đã nhận thấy cử chỉ khác lạ của cô chiều nay, đang rình rập ngoài cửa buồng, và có thể ập vào bất cứ lúc nào để bắt quả tang cô đang đọc thư trai. Ờ Mọi người Ờ là cha mẹ cô, là Duân, anh cả của cô. Cái anh chàng Duân mới thật chán, mới ngoài hai mươi mà cứ như ông cụ non. Thảo nào chẳng có ma nào để ý anh tã. Cũng chẳng sao, đã có những ông mai bà mối làm sứ giả tình yêu!

Dung muốn trải chiếu ra và ngã lưng trên chiếc giường gỗ quen thuộc, nhắm mắt lại tận hưởng cái tâm trạng lâng lâng, mới mẻ do lời thư của Ngôn mang lại, nhưng ngại mẹ cô lại réo gọi, lại dài dòng mắng dạy đủ điều, nào Ờ con gái phải siêng năng, phải lo bếp núc, chứ đâu lại về nhà năm ngựa năm nghiêng, chờ người khác dọn sẵn mâm cơm cho mình.... Ờ và vân vân. Dung đi rửa mặt rồi bước vào bếp làm việc với Thu, em gái, mà trong lòng đang vẫn vương trầm mối! Vui sướng lẫn lo sợ cứ thay nhau chia trí cô, khiến có lần Thu nhìn chị hỏi, Ờ chị làm sao vậy, có điều gì không? Ờ. Dung chỉ trả lời

phủ nhận, rồi lảng sang chuyện khác. Bỗng dưng, từ hôm nay, Dung thấy thế giới chung quanh không còn nhàm chán, tẻ nhạt nữa. Nếu từ cả tháng nay Dung đã lơ mơ thấy mình yêu đời lên vì mình dường như là trung tâm của một ai đó, thì cảm giác kia hãy còn mong manh, bất định, mơ hồ, chợt có, chợt không. Bây giờ mọi sự thật rõ ràng. Và tuy cô muốn cả hai cùng giữ trong lòng, đừng thể hiện nó bằng lời, bằng giấy trắng mực đen, Dung phải nhận mình thầm cảm ơn Ngôn đã tỏ tình trong thư Có thể chứ. Nếu anh không chịu nói ra thì Dung sẽ giận anh vô cùng. Dung biết bằng trực giác là một chuyện, anh phải thú tội là chuyện khác. Vậy mà Dung đã hoảng sợ, đã ẽng ẽng muốn trả thư anh. Ôi, con gái chứa đầy mâu thuẫn. Nghĩ cho cùng, con người là một trung tâm mâu thuẫn, anh Ngôn ơi! Dung thấy thích thú trong lòng, nhớ lại những cái nhìn, lời nói của Ngôn. Với tờ thư này, những cử chỉ trong quá khứ thật dễ lý giải. Ngôn yêu mình đứt đuôi rồi. Cái tôi con gái đầy tự ái được thỏa mãn. Đành rằng một thiếu nữ dù không đẹp với tất cả mọi người thì vẫn đẹp, vẫn duyên dáng với một người, thế nhưng Dung biết mình đẹp dưới mắt mọi người, chứ không chỉ hợp nhãn Ngôn. Nhưng rồi Dung bỗng hơi thất vọng:

từ đầu đến cuối Ngôn chẳng hề khen mình đẹp, mà chỉ nói đến cái nét na, cái đảm thắm, thùy mị, dịu dàng, giỏi giang v.v. của mình. Anh ta chỉ yêu mình toàn vì những điều ở đâu đâu, không hình tượng, không nhãn tiền. Làm sao anh ta trông thấy được những điều đó nhỉ? Chắc anh ta có mắt thần. Mắt thần sao không thấy những lúc Dung nổi tam bành khiến các bà bán cá cũng chạy mặt! Thôi biết rồi,

anh chàng cảm vì sắc của mình, nhưng cứ phịa ra những Ęcôg dung ngôn hạnhỂ cho hợp lễ, hợp đạo. Tuy nhiên, thầm kín trong lòng, cô Dung hàng xén bỗng mơ hồ nghe mình tự hỏi, đằng sau tấm nhan sắc, người con gái không còn lại gì để mặc cả với đời sao? Chắc chắn là Ngôn để ý một người con gái vì dáng vẻ của cô ta, nhưng không dừng ở điều kiện đầu tiên đó, mà còn đi tìm kiếm xa hơn nữa. Dung nghĩ mối tình của người con trai này là một chân tình. Chàng không như con bướm lượn vành mà chơi. Lại nữa, chàng trân quý mình đến thế sao? Chàng chẳng cần tiền của gì trên đời này cả, chỉ cần có mình thôi! Anh yêu ời, anh nói thế là chí phải. Chúng ta, em và anh, sẽ làm mọi thứ từ đầu

- anh với đôi tay phá núi, với ý chí lấp bể, em với tình yêu, với tận tụy, với hy sinh....

Bức thư chỉ bày tỏ tình yêu, bức thư không đòi hỏi Dung một điều gì - dĩ nhiên rồi, dám đâu đòi hỏi! Nhưng cô thừa biết lời khẩn cầu mặc nhiên của nó. Chấp nhận hay khước từ thì cô đã biết, nhưng ngày mai gặp Ngôn mình phải làm mặt lạnh, con gái đoan trang phải thế, Dung tự nhủ. Con trai phải biết phân tích, nếu muốn giải đoán đúng tín hiệu con gái!

Trao được bức thư cho Dung, Ngôn có cảm tưởng đã trút được những trĩu nặng trong lòng bấy lâu nay. Đối diện nhau trong gang tấc, nhưng sao thấy cách trở quan san. Sóng lòng cuộn cuộn, nhưng sao không diễn đạt thành lời được; mở miệng ra chỉ toàn những câu nói nhạt nhẽo, vô duyên kể chuyện trên trời dưới đất, chứ không kể lễ nổi thăm yêu trộm nhớ của mình. Dung có hiểu gì không, hồi khôn

mặt tươi cười mà vô tình đến độc ác kia. Có thể nàng hiểu, có thể nàng chỉ dự đoán, nhưng dù sao nàng cũng đã cho thấy không đến nỗi ghét mình. Phải cho Dung biết mình yêu nàng, thật sự yêu nàng. Phải cho Dung biết nàng là tất cả, từ nay mọi sự trên đời đều không còn nghĩa lý nếu thiếu nàng. Chàng trai Ngôn vốn nhìn thán ngày của tuổi trẻ trải rộng trước mặt êm ả như biển xanh mùa hạ. Không vượn vẩn, không sâu muện, anh hăm hở đi tới, và lòng hằng nghĩ đến một bến đậu vĩnh cửu của đời mình, để huê vợ con, gia đình ấm cúng. Ghe anh đã ghé đỗ bao bến bờ và anh biết sẽ có một ngày không xa quay lại bến nhà, vâng lệnh song thân, mình sẽ kết tóc xe duyên với một ai đó, có thể là với Cái Hoài, người con gái trong xóm mà thỉnh thoảng anh có nghe bố mẹ đề cập đến như một trong những nơi họ nhắm tới. Ít khi anh tự hỏi lòng về việc hôn nhân, vì chẳng có gì để thắc mắc, ngoại trừ cái rạo rức thường lệ đi kèm với trí tưởng về cuộc sống lứa đôi. Anh có yêu thương Hoài chưa, hoặc có biết người nào khác mà bố mẹ chọn cho anh sau này chưa? Tình yêu là cái gì không đặt ra trước hôn nhân, nhưng sẽ theo sau hôn nhân

- một định luật tự nghìn xưa truyền lại

- và bố mẹ đã thực hành thành công, nay đến phiên anh. Nhưng Dung đã thổi một luồng gió mới vào lối mòn trong tâm khảm của Ngôn. Sau Dung, anh không thể chấp nhận một Cái Hoài, hay một ai đó. Tất cả đều xa lạ với anh, tất cả đều không sánh được với Dung, thì làm sao anh có thể ăn đời ở kiếp với họ. Người mà đến thế thì thôi.... , Ngôn thấy bao công danh phú quý mà chi nếu không có

được người trong mộng này! Phải viết cho Dung biết lòng mình, dù sẽ bị cự tuyệt. Phải viết. Một lần rồi thôi....

Rồi điều phải đến đã đến. Lần hẹn hò đầu tiên của Ngôn và Dung đã diễn ra một tuần sau ngày Ngôn gửi cánh nhạn tỏ tình. Họ gặp nhau không đầy ba mươi phút, trong phập phồng lo sợ, e lệ bỏ ngõ về phía Dung. Đôi bên chẳng biết nói gì với nhau, người con gái cứ cúi đầu thẹn thùng, người con trai chỉ biết lặng nhìn, không biết mở đầu bằng lời gì. Cái bé nhỏ của phố xá Hội An chính là điều hành tội hai kẻ yêu nhau. Trời vừa sập tối, mọi nhà vừa lên đèn thì đường phố đã thưa vắng. Con gái nhà lành không ra khỏi cửa nhà. Cả thành phố giống như một gia đình lớn, trong đó mọi người biết tên nhau, biết mặt nhau. Mang tiếng là thành thị, với đường phố ngang dọc, nhưng tất cả chỉ gói ghém trong một chu vi bé tí. Chiều dài thành phố được đo bằng câu nói có lẽ đã có từ ngày khai thiên lập địa của nó, thượng Chùa Cầu, hạ Âm Bốn, nối hai cái mốc đánh dấu thành phố mà một người đi bộ chậm rãi chỉ mất có mười lăm phút từ đầu này đến đầu kia

- từ cây cầu Nhật Bản ở lối vào thành phố đến Chùa Âm Bốn cuối phố xá. Chiều ngang cũng chẳng hơn gì đoạn thượng Chùa Cầu, hạ Âm Bốn, từ bờ sông xuyên qua bốn con phố nhỏ đến khu tòa sứ. Cho nên Dung dám đi gặp người yêu vào buổi tối trong lần hẹn đầu là một liều lĩnh. Làm sao che được tai mắt của cái thành phố già nua, thủ cựu, thóc mách! Có lẽ người con gái nào khi yêu cũng liều lĩnh. Dưới gốc dừa bên ngoài chùa Năm Tôn vắng lặng, ngôi chùa nhỏ của làng Sơn Phô kế cận thành phố, dưới mảnh trăng lưỡi liềm không đủ

soi sáng khuôn mặt hai người, Ngôn và Dung không dám đứng sát nhau, nhưng cả hai cùng có cảm tưởng nghe được nhịp tim của nhau.

Cuối cùng Ngôn đã thu hết can đảm hỏi thẳng Dung có yêu mình không. Cô bé đã rụt rè trả lời rằng không biết, chuyện lứa đôi do cha mẹ định đoạt. Ngôn đã cố gạn hỏi đôi lần cũng chẳng nghe được chính miệng giai nhân thú nhận yêu mình. Dung đã nghĩ trong lòng, sao anh ngốc thế, không thương sao dám đến nơi hẹn với anh đêm nay. Cô đã vội vã ra về, men theo con đường đất dọc bờ sông có nhiều lùm bụi che khuất để không ai trông thấy.

Dù có dốt về khoa tâm lý con gái cách mấy đi nữa, Ngôn cũng thừa biết Dung đã chịu mình đứt đuôi rồi. Tuy ngoài miệng không biết nhưng trong lòng cô nàng đã biết yêu mình rồi. Không lỗi hẹn đâu là một bằng chứng không ai chối cãi được. Thế nhưng Ngôn vẫn phải hỏi. Anh muốn được nghe câu trả lời, không hẳn để xua đuổi một sợi tóc bất an còn sót lại trong lòng mình, mà chính là để được nghe cái âm vang đáng yêu thốt ra từ cái miệng hoa kia, cái âm vang nhiệm màu như điệp khúc anh ăn cơm chưa mà anh khắc ghi trong lòng tưởng đến nghìn đời không phai!

Những lần hẹn hò kế tiếp đã đến dễ dàng hơn, bạo dạn hơn, và say đắm hơn. Dung đã dám để yên bàn tay mình trong tay Ngôn rất lâu. Rồi má kề má, rồi những vòng tay ôm siết, rồi họ có nhiều chuyện nói với nhau hơn lần hẹn đầu đầy sợ sệt. Nhưng trong không gian ngây ngất của tình yêu, người con gái vẫn nơm nớp lo sợ những tai mắt rình rập của thành phố bé nhỏ này. Họ cùng thỏa thuận lịch

trình hò hẹn là cách nhặt, để các hoạt động bị cách khoảng, bị thưa đi, một yếu tố đánh lạc hướng những con mắt soi mói của đám cư dân ăn không ngồi rồi hay ngồi lê đôi mách có ngày sẽ thấu tai cha mẹ nàng. Rồi một lần nữa họ gặp nhau. Lần này điểm hẹn là sau Lò Heo. Từ đó họ tách biệt ra bờ sông. Bỗng dưng lần này mỗi người đều mang trong lòng những băn khoăn khắc khoải về ngày mai của cuộc tình. Tuy không ai nói ra, mỗi người đều biết những gì trong lòng người kia.

- Đêm qua chẳng hiểu sao em cứ nằm thao thức đến quá khuya chưa ngủ được....

- Anh cũng vậy, nằm nghe sóng vỗ ầm ầm cả đêm, lại thêm cái thảng bặt mắc dịch nằm trên trần ghe chốc chốc lại ca quan họ Bắc Ninh, mà toàn những câu thất tình nghe não nuột làm sao!

Tình yêu đích thực muôn đời vẫn là khát vọng chiếm đoạt; người này phải là sở hữu của người kia. Dù rằng hôn nhân không nhất thiết là chặn cuối của tình yêu, nhưng hôn nhân là phương cách duy nhất được xã hội công nhận để hai người khác phái thuộc về nhau. Dung và Ngôn bắt đầu có những trăn trở của giấc mộng đầu. Dung không hiểu nổi những người lớn

- những người từ đời xưa đời xưa

- làm sao có thể giản lược thân phận con gái vào một sự mặc cả, một sự đổi chác nằm dưới nhãn hiệu môn đăng hộ đối. Tình cảm, cái phần hồn của con người, thì các bậc ấy có biết không? Ở thời của họ, phỏng họ không có cái phần hồn đó chắc? Ở Ngôn cái nổi loạn của người con trai trước việc hôn phối xưa nghìn đời mới mãnh liệt hơn.

Lại một lần nữa, hình ảnh Cái Hoài hiện về trong trí anh, làm cộm trong lòng một cảm giác không dễ chịu.

Nếu trong thời gian anh đi xa đằng đẵng này, bố mẹ Ở nhà đã tự tiện qua nhà cha mẹ Hoài dạm ngõ để giữ chỗ cho anh thì sao?

Trước kia, thỉnh thoảng anh có nghĩ đến viễn ảnh này và thấy lòng dửng dưng, không bận tâm chút nào. Nhưng bây giờ thì không thể chấp nhận được. Đối diện Dung anh thầm nhủ lòng, trăm nghìn lần không được!. Nắm bàn tay phải của Dung trong đôi bàn tay mình và nhìn sát mặt nàng, Ngôn chậm rãi nói:

- Anh muốn hỏi điều này. Nếu anh về quê thưa chuyện với ba mẹ anh, để hai ông bà vào đây cho biết em, và chính thức nhờ mai mối đến thưa chuyện với gia đình em, thì em nghĩ sao?

Dung im lặng, chờ cho thoáng xúc động qua đi, mới ấp úng:

- Em không biết....

Ngôn nhìn mái tóc phủ xuống khuôn mặt cúi thấp của Dung, và bỗng thấy dâng lên trong lòng một mẩn thương đến tội nghiệp. Anh hạ thấp giọng, nói như một lời cam kết, một vố về tin yêu:

- Anh sẽ về trình bày với ba mẹ anh về em....

Một lát, Dung nói:

- Rồi ba em hỏi em quen biết, hẹn hò với anh hồi nào, em biết nói sao đây!

- Anh tin rằng mình đường đường chính chính thú tội hết thì người lớn sẽ tha thứ. Dung lại lặng im, lòng nửa tin tưởng, nửa lo lắng về giải pháp của người yêu. Thực ra, cái bất an trong lòng Dung bắt nguồn từ cái nhìn tiêu cực cố hữu của cha mẹ cô về tập thể thủy thủ

ghe bầu. Cô biết hơn ai hết cha cô chẳng bao giờ coi trọng những con người tứ phương đó mà ông thường dùng những lời đầy miệt thị để gọi

- cái tụi ghe bầu, cái đồ ghe bầu<sup>Ể</sup>, v.v. Sau lần hò hẹn đó, người con trai nuôi trong lòng một quyết tâm đi tới, và thoáng thấy nẻo đường tình của mình khá phẳng phiu, khá tươi sáng, và người con gái thì lòng ngổn ngang trăm mối, lo sợ lẫn hy vọng. Nhưng có một điều, cả hai cùng không ngờ tai họa đã giáng xuống

- không biết có phải từ cái đêm cuối đó, hay từ trước rồi mà họ không hay biết! Trưa hôm sau, Thu từ nhà tức tốc chạy ra gian hàng xén báo tin chẳng lành cho chị:

người cha ra lệnh Dung về nhà gặp ông, để cửa hàng cho Thu trông coi tạm. Dung có gạn hỏi Thu, nhưng vô ích, vì cô em cũng chẳng hiểu trời trăng gì về mệnh lệnh này.

Bước vào nhà, Dung gặp ngay tại cửa vẻ mặt lo lắng của mẹ. Cô ngập ngừng mấy giây, rồi đi thẳng vào trong nhà, rón rén đến bên cha cô đang ngồi vừa trầm ngâm vừa hăm hăm. Cái ngược nhìn lạnh như tiền, rồi tiếp theo một tràng câu hỏi cung của ông làm Dung có cảm tưởng lưng mình vừa bị ai xối một gáo nước lạnh. Ngay phút đầu dẫn thân vào cuộc phiêu lưu tình ái này Dung đã có cái bất an thường trực là khó tránh khỏi tai mắt của cái thành phố nhỏ như bùm tay này, và nay thì điều nàng nơm nớp chờ đợi đã đến! Qua một khoảnh khắc sợ hãi, Dung bỗng thấy mình bình tĩnh lạ thường. Cô chối phăng tất cả những câu hỏi trói buộc của người cha, một mực nói mình chỉ đến nhà bạn bè chơi, hoặc đi hóng mát ở bờ sông, chứ

tuyệt nhiên không hề quen biết, không hề hẹn hò với chàng trai nào. Đến nông nỗi này, cô thấy có nhận cũng không nhẹ tội, cũng không xoay chuyển tình thế. Dùng hăm dọa để gạn hỏi không đi tới đâu, người cha bắt đầu dùng vũ lực. Ông đứng lên, đến bên giàn bếp lòi con roi mây màu vàng nhạt, cái màu báo hiệu những đòn đau! Dung thấy hồn vía lên mây, nhưng cố tâm niệm trong lòng để đừng nao núng, mày chớ đại khai, vì có khai cũng không thoát khỏi tội, không thoát khỏi hình phạt; không mở miệng thì may ra còn có đường.... Dung đã rên la, đã van xin, đã quăn quại dưới những đường roi phũ phàng vút đơm đóp xuống người cô, nhưng tuyệt nhiên cô không hề nói một câu gì nhận tội. Mẹ cô hết chịu nổi những tiếng kêu khóc của con, đã lẫn xã vào dượt con roi từ tay chồng và khuyên ông bình tĩnh lại, nếu không muốn giết con. Mặc cho Dung khăng khăng chối quanh, ông Tú Diệp, cha cô, vẫn tin lời mách bảo người ngoài. Ông thấy con gái ông đã là trái bom sắp nổ trong nhà! Trong đầu ông đang lóe lên một giải pháp chống bom nổ. Ông phải cho vờ người mai mối của viên công sứ Pháp đến càng sớm càng tốt, trước khi mọi sự thành quá trễ. Cái đau đớn của đòn roi là thế, như xé da xé thịt, nhưng cái đau do những lời của cha cô đi kèm theo mới làm tan nát lòng Dung. Mày làm điểm nhục gia phong, mày chạy theo một thằng đi ghe bầu.... , thà tao giết mày cho rãnh, còn hơn để mày làm uổng công lao cha mẹ nuôi dạy.... Bấy nhiêu lời đã quá lắm rồi, còn gì tàn nhẫn hơn. Ngón mà nghe những lời này không biết anh sẽ đau khổ đến mức nào, sẽ tuyệt vọng như thế nào? Sao con người cứ bị nô lệ thành kiến mãi, cứ cứ xử bất công với đồng loại mãi thế này! Thật

mĩa mai, có lẽ giờ này Ngôn đang vui sướng trong lòng với niềm tin rằng mình đường đường chính chính thú tội hết thì người lớn sẽ tha thứ. Dung đã biết trước, cha mẹ cô không dễ gì chấp nhận Ngôn. Và đó là thành lũy mà cả hai cảm thấy quá bất lực không cách gì vượt qua. Từ hôm đó Dung bị cấm cung trong nhà. Thu thay thế chị trông coi cửa hàng. Chẳng ai báo cho Ngôn hay những gì xảy ra. Đêm hôm sau lại đến lịch trình hẹn cách nhật của hai người.

Dung cấp tốc nhờ Thu đến điểm hẹn thông báo tình hình cho Ngôn rõ. Trong bức thư văn tắt cho người yêu Dung chỉ viết ba điều thông tin cần thiết:

việc nói chuyện giữa gia đình đôi bên là ảo tưởng, trăm nghìn lần không thể thực hiện được; cuộc tình coi như đã chết, đừng tìm cách gặp nhau nữa; lời chúc vĩnh biệt. Nhưng Ngôn không đọc thư tại chỗ. Nghe Thu thuật lại mọi chuyện, Ngôn đứng lặng người hồi lâu, đầu óc như tê liệt. Mọi sự diễn tiến nhanh quá làm anh sửng sốt. Tưởng tượng những đường roi Dung phải hứng chịu, Ngôn tưởng như da thịt mình cũng đau lây. Qua phút giây bàng hoàng, anh kiểm điểm lại những gì mình vừa được Thu kể lại, nhất là thái độ không dung hòa của ông Tú Diệp, và thấy một nỗi tuyệt vọng ghê gớm ngự trị trong lòng. Anh đứng như trời trồng, hai tay buông thõng. Thu chưa từng thấy một hình ảnh nào tội nghiệp hơn, ở một người trẻ hay một người già, hay một đứa bé. Nó là hiện thân của cái gì cùng cực bên trong một con người, cùng cực tới mức phải vỡ ra ở cái dáng điệu kia! Ngôn thấy mình không còn gì để trông đợi, để vui sướng trên đời này nữa. Thu bỗng thấy ái ngại cho người con trai này. Cô muốn nói

một lời gì để làm dẫn bớt độ căng của sợi dây sắp đứt:

- Anh cần viết thư cho chị Dung, cứ đến chỗ em bán và kín đáo đưa cho em. Trong khả năng của mình em nguyện sẽ làm những gì anh giao. Thôi, em về đây.

Dung nằm liệt giường từ hôm bị trận đòn lớn nhất trong đời con gái. Không phải cô muốn tuyệt thực, nhưng chẳng thiết gì đến ăn uống. Mẹ cô vẫn ra vào buồng ngủ của cô thăm nom, sợ con gái có bề gì. Nể lời mẹ, Dung phải ngồi dậy ra bàn ăn qua loa, rồi lại vào nằm vùi. Thân thể cô đau nhừ, nhưng đó chỉ là cái đau đớn của thể xác, cô chẳng mấy quan tâm. Cái thương tích trong lòng mình mới là cái gì Dung thấy không dễ lành. Dung nghe loáng thoáng người mai mỗi nào đó đã đến theo lời mời của cha cô Lại về vấn đề viên công sứ Pháp. Dung bỗng thấy dừng dưng, chán chường. Không lấy được người mình yêu, thì giữa việc đi lấy một người khác chủng tộc, và lấy một người Việt xa lạ, cô chẳng thấy có gì khác nhau. Một ngày sau Dung được biết thêm một tin tức mới:

duyên phận cô đã được an bài, gia đình đã sẵn sàng đón nhận lễ dạm hỏi của ông Russel, viên quan cao cấp nhất của Pháp tại tỉnh Quảng Nam, trong ít ngày nữa. Dung chạnh nghĩ đến Ngôn, giờ này chắc đang đau khổ không kém mình. Ngay từ đầu Dung đã quyết định tuyệt nhiên không cho Ngôn biết việc gả bán của mình. Lòng anh đã tan nát nhiều rồi, có ích chi bắt anh ấy nhận thêm cái nhát chém độc địa này nữa. Cô đã cẩn thận căn dặn em về điều này. Ngôn đã đọc những lời vắn tắt trong thư Dung. Thật đã hết rồi, không còn gì. Ngày bỗng dài lê thê và trống vắng đến kinh khủng.

Anh thử tìm quên, thử chạy trốn thực tại trong men rượu, như những người khác từng làm. Và cơn say không giúp anh quên mọi chuyện, chỉ dẫn vật thể xác anh thôi! Ngôn ngời rũ như chiếc lá héo, bên cạnh chung rượu uống dở trong chiếc quán xiêu vẹo trong làng Gành, một xóm dân chài nằm sát Cửa Đại. Vạn vật quay cuồng, nháy múa trước mặt anh, khuôn mặt người con gái chủ quán khi mờ khi rõ, thỉnh thoảng liếc nhìn anh bỡ ngỡ. Họ gặp nhau đôi lần. Cô gái có diện mạo rất xoàng, nếu không muốn nói xấu xí. Cô chưa hề thấy anh con trai này mua rượu của cô bao giờ; ngoại trừ vài lần mua kẹo bánh, và nước dừa giải khát. Ngôn khám phá một điều: men rượu làm nhòa đi những tiểu tiết mọi vật, khiến chúng bớt xấu xí, thậm chí khiến chúng đẹp hẳn lên. Như gương mặt người con gái bán hàng này. Ngôn thấy cô ta có nét quyến rũ lạ thường. Ngôn không nhớ mình đã nói gì, chỉ thấy cô ta bỏ quán đi nhanh ra ngoài. Rồi anh thấy hai người bạn đồng thuyền bước vào, dìu anh ra về.... Ngôn thức sớm hơn thường lệ. Biển xanh xám, vì mặt trời chưa lên. Anh hít thở không khí mát mẻ bình minh, và thấy dễ chịu một chút, tuy đầu vẫn nặng trĩu và choán váng. Anh lại thấy lo sợ vì một ngày thật dài, thật lê thê trước mặt. Lần đầu tiên trong đời anh say rượu, và có lẽ chỉ một lần rồi thôi. Để làm gì, nếu phải tự hành hạ mình như thế! Ngôn thấy mình phải rời bỏ nơi đây càng sớm càng hay. Một xô dịch, một chuyển đổi không gian có lẽ là điều anh cần có để qua cơn khủng hoảng này. Nhưng chiếc ghe anh biết đến khi nào mới nhổ neo. Với tình hình lên xuống hàng hóa này, cộng với yếu tố gió mùa, có nhanh lắm cũng cả tháng trời nữa nó mới nhúc nhích. Hôm

qua Ngôn vừa nghe một người bạn nói chiếc ghe Phan Thiết nằm ở cuối bãi sẽ nhổ neo về lại bến nhà trong vòng không tới mười hôm nữa. Ngôn đang dự định đi xa Thanh Hóa, càng xa càng tốt. Trong nỗi đau khổ này anh không còn lòng dạ nào về nhà, để rồi bị cha mẹ bắt lấy vợ để nối dõi tông đường, để gia đình thêm nhân công! Và Ngôn đang manh nha trong đầu ý định đầu quân ghe kia. Sau khi được ghe Phan Thiết thuê nhận và biết đích xác còn đúng năm hôm nữa rời bến, Ngôn đã viết cho Dung một bức thư dài, trong đó anh nói về phương trời vô định, về nỗi lòng của mình, và chúc người ở lại bình yên, may mắn, sớm quên đi mọi buồn phiền. Nhưng cuộc tình bất hạnh ngăn ngui dường như cũng được ông trời nghĩ lại ban cho một trùng hợp hiếm quý để đôi kẻ yêu nhau có dịp tiễn biệt nhau. Dung nhắm tính và thấy cái đêm Ngôn nhổ neo cô cũng sẽ có mặt tại nhà chú của mình ở Phước Trạch theo lệnh của cha mẹ để sáng sớm hôm sau kịp phụ giúp làm cỗ đãi đám cưới trong gia đình. Dung muốn gặp người yêu lần cuối. Và qua trung gian của Thu, hai người đã tái lập chiếc cầu hẹn hò vào đêm biệt ly trên đôi cát gần cầu Làng Câu, trông ra biển, một địa điểm khá tình tứ và cách xa xóm làng. Một đêm tháng bảy không trăng, với bầu trời đầy sao, và gió biển dịu dịu, Dung và Ngôn đã gặp bên bờ biển để từ biệt nhau. Nói gì bây giờ, và chẳng có bao điều để nói. Ngôn đã nắm đôi bàn tay run rẩy của Dung, đã quàng tay ra sau lưng người con gái, ôm siết nàng. Thốt nhiên, nỗi tuyệt vọng trở lại xâm chiếm lòng anh - một nỗi hận thì đúng hơn. Anh không rõ mình oán hận ai. Anh chỉ biết trút tội vào duyên số. Thành linh Ngôn bóp mạnh tay Dung và

nhìn thẳng gương mặt trắng bệch trong bóng tối nhờ nhờ của đêm. Dưới ánh sáng ban ngày thì Dung đã có thể thấy lúc đó mắt người yêu long lanh khác thường. Trong đầu Ngôn vừa lóe lên cái ý nghĩ táo bạo rồi Dung trốn theo mình. Anh ngập ngừng một giây rồi bỗng lấy làm lạ nghe giọng mình nói:

- Thôi em về đi kéo người nhà lại biết mình ở đây.

Duyên tình mình chỉ bấy nhiêu thôi. Ở lại bình yên nhé. Cố quên đi, đừng nghĩ đến nhau nữa.

Ngôn có cảm tưởng anh nói câu cuối để tự khuyên mình. Dung như chợt tỉnh cơn mê với mấy lời nói chán chường của Ngôn. Nàng không dẫn được một tiếng nấc lúc nhìn cái bóng mờ mờ của Ngôn nhòa dần về phía biển. Người con trai nghe rõ tiếng nấc đằng sau mình, và rảo bước nhanh hơn, sợ phải nghe thêm nữa.

Trong cơn đau giã biệt, với nước mắt cứ chảy dài xuống má, thấm mặn môi, Dung bỗng cảm thấy một thoáng nhẹ nhõm vừa len vào lòng. Ôi còn danh dự gia đình, còn đời con gái. Dung thầm cảm ơn Ngôn đã không sai khiến mình làm chuyện đó.... Cô đã cảm thấy mình bé nhỏ, mềm nhũn, hầu như sắp tan biến trong vòng tay Ngôn trong bóng tối đồng lõa, nói chi đến cưỡng lại những gì anh sai khiến. Cái siết tay mạnh, cái nhìn sát gần, dù bóng đêm đã che đậy tín hiệu của đôi mắt, cũng đủ mách bảo trực giác con gái một điều gì, và Dung biết mình yếu đuối chờ đợi. Nhưng điều người con gái linh cảm và dự tính trong đầu người con trai đã không là một. Dung lau nước mắt, ngồi nấn ná một lúc cho gương mặt trở lại sắc diện bình thường trước khi trở về nhà chú Cam. Cô nhìn ra biển đen

ngòm. Những ánh đèn thuyền leo lét rải rác đó đây, gần bờ, và ngoài khơi. Dung thấy chúng nhấp nháy trong cô đơn và tuyệt vọng. Bầu trời đầy sao. Ngôn sẽ nhổ neo đêm nay. Một người sẽ lênh đènh vô định, một người là ván sắp đóng thuyền. Ôi đêm Cửa Đại, đêm mịt mùng, thăm thẳm....

Nhưng cả Cửa Đại lẫn Dung và Ngôn đều không biết và không ngờ rằng mấy mươi năm sau lại có một người của thế hệ thứ ba tên là Natalie, từ một nơi xa xôi trên thế giới đã về đây và đã làm phục hồi câu chuyện ấy trong trí mình, trong tiếng gió biển thiên thu bất tận trên các cồn cát của làng Phước Trạch....

**Hết**

**Hà Kỳ Lam**

**Trang Nhật Ký**

Đôi dòng tiểu sử

Tên thật Nguyễn Đình Hà

sinh năm 1940

tại làng Kỳ Lam quận Điện Bàn tỉnh Quảng Nam

cựu giáo chức, cựu sĩ quan VNCH (lực lượng đặc biệt)

đến Hoa Kỳ năm 1981, hiện định cư tại New Jersey USA

khởi viết năm 1991

tác phẩm đã xuất bản :

Vùng Đá Ngầm (truyện, Thế Kỷ 1994, USA)

Núi Vắn Xanh (truyện, Thế Kỷ 1999, USA)

\*\*

\*\*\*

(Tặng Võ Đình Tuyết như đã hứa )

Cuốn sổ tay nhỏ vừa bằng cỡ túi áo trên, với một lỗ đạn dùi xuyên suốt gần gáy, bìa cứng màu xanh nhạt đã sờn nhiều chỗ, góc các trang bên trong bị xoắn lên. Trang trong của tờ bìa dán một tấm ảnh trắng đen nhỏ xíu, bằng khổ hình căn cước. Điều may mắn khá mỉa mai là ảnh còn nguyên vẹn, không bị đạn cày nát - còn chủ nó thì sao? Người trong ảnh khoác áo âu phục trắng kiểu cổ bẻ, để lộ chiếc áo bên trong cũng màu trắng, và một chiếc cà vạt đen, đầu đội mũ kết trắng. Không đoán nổi tuổi tác, chỉ có thể nói người ấy không thể tới bốn mươi, mặc dù khuôn mặt xương xương. Cũng không thể nói lính gì, và cấp bậc gì. Không thấy ghi tên họ trong cuốn sổ.

Chủ nhân của cuốn sổ tay dường như thích ghi lại những sự việc, những niềm riêng tây. Có vẻ như một nhu cầu cần bộc bạch trên giấy cho chính mình đọc. Những điều ghi chép phần lớn liên quan đến cuộc sống trong rừng, không nói gì về quê hương, gia đình đương sự ngoài Bắc, ngoại trừ mấy hàng nhật ký cuối cùng viết trong ngày của đêm đặng trận - nhóm ngày tháng ghi ở đầu giòng cho Quang biết như thế.

Mở đầu, cuốn nhật ký viết:

" Trên đường Trường Sơn ngày 29 tháng 8 năm 1968.

Mấy hôm nay cứ lên cơn sốt mãi, nhưng cứ găng bám theo đơn vị không dám khai bệnh. Nếu nằm lại trạm xá điều trị, đơn vị sẽ bỏ lại, và phải chờ để bổ sung vào một đoàn khác ngoài Bắc vào. Ra đi từ quê nhà có anh có em, nương tựa, đỡ đần nhau, nếu phải sung vào một đơn vị lạ thì buồn quá!

Cách khoảng gần một tháng, những giòng nhật ký tiếp tục:

Ngày 20 tháng 9 năm 1968.

" Thời tiết đây khác quá, chiều nào cũng mưa rả rích."

Với giòng chữ này có lẽ chủ nhân của cuốn nhật ký đã đặt chân lên vùng " Tây Nguyên" - tên họ gọi vùng Cao Nguyên - và là ma mới chưa quen nước quen cái vùng này, vì nếu không thì anh ta đã biết mùa mưa của Cao Nguyên kéo dài từ tháng năm đến tháng mười, trùng với mùa mưa miền hạ lưu sông Đồng Nai. Rồi lướt qua các trang ghi những sinh hoạt nội bộ đơn vị như học chính trị, đi lãnh gạo, thuốc men, nghỉ dưỡng quân, tìm giặt v.v., Quang lại chú ý tới mấy giòng văn tắt nhưng khá đặc biệt:

" Ngày 30 tháng 11 năm 1968.

Sáng nay tắm dưới suối lên thấy cuốn sổ đặt sai vị trí cũ. Thế là không tốt, có ai xem lén nhật ký rồi."

Rồi kể tiếp, có lẽ cùng trong ngày đó vì không thấy ghi ngày tháng, tác giả buông một câu nghe như cung đàn lạc điệu, " Cái tình của người thủ trưởng thật quý hóa."

Ngày 17 tháng 12 năm 1968.

Trong lúc đang điều nghiên và vẽ lại vị trí đóng quân cũ của Mỹ trên

đồi, đói quá, nom thấy một hộp thịt mình đã mở ra chén hết. Ăn xong thì đã đến giờ phải về. Thế là không hoàn thành nhiệm vụ. Cũng chỉ tại cái hộp thịt!

Quang thấy mấy hàng nhật ký trên vừa ngộ nghĩnh vừa có một giá trị nào đó. Đây là chi tiết đầu tiên từ nãy giờ giúp anh biết tác giả là một trinh sát viên. Rồi người đọc lại nhảy bỏ một số trang không hay ho lim. Đầu giòng một trang mới, với nhóm ngày tháng mới, người đọc thấy:

" Ngày 10 tháng 4 năm 1969.

Đêm nay đi kích đường 14. Chiếc L 19 cứ bay rà rà trên đầu, loa cứ lải nhải chiêu hồi, chiêu hồi. Mẹ kiếp, ông hồi cho mấy quả bây giờ." Quang vẫn dỗi theo những trang nhật ký chảy miên man, không chủ định, không tuần tự, như những con đường mòn ngoằn ngoèo của núi rừng Trường Sơn. Anh bỗng khựng lại, như một người đi rừng bỗng dừng bước vì con đường mòn đột ngột chấm dứt, và rừng cây um tùm chắn lối:

" Ngày 15 tháng 7 năm 1969.

Cả tháng nay không ghi nhật ký. Giờ này không biết Hoàng hay Thúy Ái đã ra đời. Nhớ đêm cuối cùng trước khi đi B, Thu đã tìm đến nơi đơn vị tập trung. Một người bạn cho mình biết cô ấy cần gặp mình. Mình đã trốn trại, trèo rào ra gặp vợ. Mình biết như thế là không đúng, là mềm yếu. Thu báo tin đã có thai. Hai vợ chồng đã bàn bạc với nhau, nếu là con trai thì đặt tên Hoàng, gái thì là Thúy Ái." Và con đường Trường Sơn ngoằn ngoèo trong tâm tư của chủ nhân cuốn sổ tay đến đây bị nghẽn lối. Một phần ba cuốn sổ còn lại là

những trang giấy trắng sẽ vĩnh viễn không còn nhận được một chữ nào của chủ nó nữa...

\*

Quang bước vào trung tâm hành quân một lần nữa để nhìn mớ chiến lợi phẩm mà toán phục kích đêm qua vừa mang về căn cứ lúc nãy.

Tất cả gồm có ba chiếc ba lô, hai khẩu tiểu liên AK 47, mấy quả đạn B 40, mấy quả lựu đạn chày. Anh nhìn thật lâu mớ đồ vật đó, vẻ mặt thoáng nét đăm chiêu. Nhưng thật ra, nếu ai tinh ý có thể thấy anh không nhìn toàn thể đồ chiến lợi phẩm, anh chỉ nhìn chăm chú một món đồ, chiếc ba lô có một lỗ đạn xuyên từ hông này sang hông kia, hay nói cho chính xác, từ hông bên phải sang hông bên trái, một điều sơ đẳng nhất mà người lính chiến nào cũng nói được khi nhìn lỗ bên phải nhỏ bằng đầu đũa, và lỗ bên kia lớn bằng cái nút phég chai bia. Anh lại nhắc cái của đáng tội kia lên, xem xét tứ phía rồi đặt lại chỗ cũ. " Không có lấy một vết máu," anh khẽ nói với chính mình. Hai chiếc ba lô còn lại thì lành lặn nhưng bê bết máu.

Ba lô lủng như thế thì viên đạn đã đi song song với thân người, chứ không thể cắt một đường thẳng góc với thân thể anh tạ Quang thấy dễ chịu. Nhưng anh bỗng khựng lại: Tại sao lại vút ba lô lại? Anh ta bị trúng đạn ở chỗ khác trên thân thể chẳng. Có thể đạn trúng ngực, trúng vào đầu, hay trúng vào chân làm gãy xương. Quang thích nghĩ đến điều sau cùng: vâng, chắc đồng đội lại dìu anh ta đi; vút ba lô để bôn tẩu cho nhẹ nhàng. Và chiếc ba lô không nhất thiết phải vấy máu.

Quang ôn lại những chi tiết cuộc đụng độ mà tiểu đội trưởng Thanh

đã báo cáo với anh. " Như đại úy đã căn dặn: ở hoàn cảnh phục kích đêm không thể thấy được chiều dài của mục tiêu, nên cách tốt nhất là đánh khúc đuôi, và tôi đã làm như thế, nổ súng ngay khi cái bóng đen nhờ nhờ sau cùng di chuyển qua trước mặt một đoạn. Tôi phải đợi một đoạn, để chắc ăn đoàn người đã dứt. Chúng chỉ vào khoảng một trung đội. Thành phần đi trước bắn trả dữ dội. Tôi cho tiểu đội dạt ra xa con đường mòn, đổ dốc xuống bờ suối, bố trí thành hình cánh cung, hướng về phía vừa chạm địch, và " trụ" qua đêm. Chúng tiếp tục bắn cầm chừng về phía chúng tôi. Rồi hỏa lực bỗng rộ lên, mưa đạn xối xả bay ngang đầu chúng tôi cả mấy phút. Chúng tôi biết đối phương đang bắn phủ đầu để kéo xác và di tản thương binh... Tờ mờ sáng, tiểu đội bò đến gần con đường, quan sát chẳng thấy động tĩnh gì cả. Rải rác trên đường là mớ vũ khí, ba lô, đạn dược như thế. Có điều vết máu chạy dài khoảng vài trăm thước về hướng Tây, lên các đồi cao, rồi mất dấu... "

Tất cả chỉ có thế, không giúp gì cho giả thuyết của anh. Đôi lần Quang định gọi trung sĩ Thanh lên để hỏi xem hắn có biết loạt đạn đầu tiên của mình - cũng là hiệu lệnh cho tiểu đội khai hỏa - có trúng vào " cái bóng đen nhờ nhờ" đi sau cùng đó không. Rồi anh quyết định không nên làm thế. Chẳng rọi được tia sáng nào vào điều muốn biết, cho dù biết chiếc bóng đen kia trúng đạn, và lại có thể gây rắc rối cho thuộc cấp.

Quang không lạ gì với hiện tượng viết nhật ký trong hàng ngũ cán binh miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Anh cũng biết được vì sao có hiện tượng kia, qua các câu chuyện với tù binh và hồi chánh viên.

Cần thổ lộ để giải tỏa, nhưng chỉ dám trút nỗi niềm vào giấy thôi. Cứ mỗi lần chiến lợi phẩm thu được có cả ba lô thì những thứ đó luôn luôn được anh " chiếu cố" trước tiên, vì ngoài mục đích tìm những tài liệu của đối phương, anh còn có cái thú là đọc những gì riêng tư thầm kín được ký thác trong những cuốn sổ tay nho nhỏ. Đối với Quang chiếc ba lô là gia tài của người lính ở mặt trận, chứ không phải khẩu súng. Chiếc ba lô nói nhiều về chủ nhân của nó. Anh đã đọc khá nhiều nhật ký lấy từ trong các ba lô đã vượt cả nghìn cây số đường Trường Sơn.

Nhưng lần này lạ quá, những hàng chữ sau cùng trong cuốn nhật ký của một kẻ đối phương bỗng làm bận tâm viên sĩ quan từng dày dạn chiến trận, từng được chiến tranh dạy cho cái nguyên lý của nó.

Quang có một bức ảnh nhòa nhạt của một người lính Bắc Việt, nhưng không biết danh tính. Và anh lại biết tên một người phụ nữ ngoài Bắc nhưng không biết mặt. Một đôi vợ chồng kẻ Bắc người Nam. Họ vừa có một đứa con, chắc lên vài tháng. Những gì còn lại về họ, Quang không sao biết được. Anh chỉ biết phó thác tất cả cho sự an bài của số mệnh. Chị Thu, tôi muốn gửi đến chị một ước mong, mà xét cho cùng nó phi lý không kém những điều phi lý vẫn đầy dẫy trong mọi cuộc chiến tranh, là mong rằng anh ấy chỉ bị thương xoàng để nhận được thư chị báo tin cháu Hoàng hay cháu Thúy Ái đã ra đời, và để còn có cơ may sống sót qua cuộc chiến này, dù bên nào thắng.

*Hà Kỳ Lam*

*Ngày 26-1-1999*

Trích từ tập truyện ngắn: " Núi Vắn Xanh" , nhà xuất bản Thế Kỷ,  
1999

Nguồn: dactrung.com

Được bạn: mickey đưa lên  
vào ngày: 20 tháng 3 năm 2004